

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: 1285 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển
đô thị tỉnh Khánh Hòa năm 2018**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của UBND tỉnh về việc Ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa năm 2017.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại văn bản số 1688/SXD-KTQH ngày 04/5/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa giai đoạn năm 2018”.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- TT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Phòng: KT, TH, KGVX;
- Như Điều 2;
- Lưu VT, VC, CN.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Công Thiên

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa năm 2018

(Kèm theo Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh)

Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 và ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa năm 2017 tại Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 10/4/2017. Nay, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện năm 2018 với các nội dung như sau:

I. Mục đích và yêu cầu:

1/ Mục đích:

- Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời phân công trách nhiệm cụ thể để triển khai thực hiện một cách đồng bộ nhằm đạt mục tiêu đã đề ra trong Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của UBND tỉnh về việc Ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Làm cơ sở để các Sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan phối hợp triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa theo đúng nhiệm vụ được giao.

2/ Yêu cầu:

Các Sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm phối hợp triển khai thực hiện theo đúng tiến độ.

II. Các nhiệm vụ chủ yếu:

1/ Về phát triển đô thị:

- Tập trung bố trí nguồn vốn để thực hiện các dự án đầu tư mang tính chất trọng điểm, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển đô thị.

- Bổ sung nguồn vốn để thực hiện công tác quy hoạch đô thị tại các địa phương nhằm kêu gọi và thúc đẩy đầu tư đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách.

- Đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa, kêu gọi nguồn lực ngoài ngân sách để tập trung hoàn thiện và phát triển đô thị.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển 03 vùng kinh tế trọng điểm: Khu vực vịnh Cam Ranh, khu vực vịnh Vân Phong, thành phố Nha Trang; có kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề tạo sinh kế mới cho lực lượng lao động ven biển của 03 vùng kinh tế.

- Hoàn thành 08 đề án phát triển từng đô thị trong Quý III – IV năm 2018.

- Hoàn thành đề án phân loại đô thị đối với huyện Diên Khánh, huyện Vạn Ninh là đô thị loại IV và đề án công nhận đạt các tiêu chuẩn là đô thị loại V đối với xã Ninh Xuân trong năm 2018.

2/ Về phát triển hạ tầng kỹ thuật:

- Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh.

- Nghiên cứu phương án thay đổi chức năng ga Nha Trang theo hướng xây dựng nhà ga mới để phục vụ vận tải hàng hoá, ga Nha Trang chỉ phục vụ vận tải hành khách (Xây dựng các cơ sở phục vụ chạy tàu như Trạm chính trị đầu máy toa xe, thông tin tín hiệu, khu cung đường, khu nhà ở cho nhân viên); nghiên cứu cải tạo đường sắt khu vực Nha Trang để bỏ đường vòng (ga cụt). Về lâu dài, cần nghiên cứu di dời ga Nha Trang và các công trình liên quan ra khỏi phạm vi trung tâm thành phố để phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao chất lượng ngành đường sắt và các hành trình chạy tàu của tuyến đường sắt Bắc – Nam.

- Khai thác tối đa các lợi thế, tiềm năng phát triển, định hướng lâu dài các khu bến cảng tổng hợp và chuyên dùng cho tàu biển trọng tải lớn tại các khu Vân Phong, vịnh Cam Ranh, Nha Trang và Trường Sa.

- Tiếp tục nâng cấp, mở rộng, xây dựng hệ thống đường tỉnh; hệ thống đường huyện được nâng cấp, mở rộng kết hợp xây dựng mới đạt quy chuẩn từ đường cấp IV đến cấp III.

- Đảm bảo cung ứng điện, nước, dịch vụ viễn thông đầy đủ cho sự phát triển kinh tế toàn tỉnh; đồng thời, giảm tối đa ngập lụt đồng bằng các sông, thúc đẩy một số ngành kinh tế sau các công trình cùng phát triển như du lịch lòng hồ, nuôi trồng thủy sản.

3/ Về chất lượng đô thị:

- Tiếp tục đầu tư xây dựng và hoàn thiện chất lượng đô thị của các đô thị theo phân loại đô thị;

- Tiếp tục đầu tư xây dựng và hoàn thiện chất lượng đô thị của Đặc khu hành chính kinh tế Bắc Vân Phong theo tiêu chuẩn đô thị loại II;

- Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và thúc đẩy đầu tư xây dựng các khu chức năng của Khu du lịch Bán đảo Cam Ranh theo tiêu chuẩn đô thị loại III;

- Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thiết yếu cho huyện đảo Trường Sa theo định hướng phát triển kinh tế biển gắn liền với an ninh quốc phòng biển đảo.

- Nâng cao mật độ dân cư đô thị một cách hợp lý, đảm bảo chất lượng và hiệu quả hoạt động đô thị tại các khu vực mới nâng cấp từ các xã thành phường, cũng như nâng cao hiệu quả sử dụng của các khu đô thị mới;

- Tiếp tục công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V cho các khu vực đã được quy hoạch phát triển thành nội thành, nội thị.

4/ Về xây dựng nếp sống văn minh đô thị:

- Xây dựng một đô thị văn minh, hiện đại, có chất lượng môi trường sống tốt và là trung tâm du lịch tầm cỡ quốc tế; có tỷ lệ lấp đầy cao tại các khu đô thị mới; áp dụng khoa học công nghệ hiện đại trong quản lý đô thị.

- Nâng cao chất lượng, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ công chức mang tính chuyên nghiệp, có đức có tài đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nếp sống văn hóa và văn minh đô thị, phát huy dân chủ gắn với nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân. Giáo dục nếp sống văn minh đến toàn dân, trọng tâm là thế hệ trẻ, nhất là đối với đối tượng thiếu niên, nhi đồng, học sinh, sinh viên.

III. Danh mục các công trình, dự án trọng điểm:

Chi tiết danh mục về thời gian thực hiện, nhu cầu vốn, chủ đầu tư của các dự án ưu tiên đầu tư năm 2018 (theo Phụ lục 1-1 đến Phụ lục 1-9 đính kèm theo Kế hoạch này) như sau:

1. Thành phố Nha Trang:

- Dự án thuộc danh mục đầu tư trung hạn khoảng 19 dự án, với tổng vốn thực hiện khoảng 959,84 tỷ đồng;

- Dự án đề nghị bổ sung và các dự án thực hiện bằng các nguồn vốn khác khoảng 98 dự án, với tổng vốn thực hiện khoảng 443,44 tỷ đồng.

2. Thành phố Cam Ranh:

- Dự án thuộc danh mục đầu tư trung hạn khoảng 12 dự án, với tổng vốn thực hiện khoảng 32,00 tỷ đồng;

- Dự án đề nghị bổ sung và các dự án thực hiện bằng các nguồn vốn khác khoảng 56 dự án, với tổng vốn thực hiện khoảng 14,11 tỷ đồng.

3. Thị xã Ninh Hòa:

- Dự án thuộc danh mục đầu tư trung hạn khoảng 04 dự án, với tổng vốn thực hiện khoảng 30,00 tỷ đồng;

- Dự án đề nghị bổ sung và các dự án thực hiện bằng các nguồn vốn khác khoảng 20 dự án, với tổng vốn thực hiện khoảng 955,11 tỷ đồng.

4. Huyện Diên Khánh:

- Dự án thuộc danh mục đầu tư trung hạn khoảng 7 dự án, với tổng vốn thực hiện khoảng 97,90 tỷ đồng;

- Dự án đề nghị bổ sung và các dự án thực hiện bằng các nguồn vốn khác khoảng 28 dự án, với tổng vốn thực hiện khoảng 430,60 tỷ đồng.

5. Huyện Cam Lâm:

- Dự án thuộc danh mục đầu tư trung hạn khoảng 10 dự án, với tổng vốn thực hiện khoảng 433,80 tỷ đồng;

- Dự án đề nghị bổ sung và các dự án thực hiện bằng các nguồn vốn khác khoảng 21 dự án, với tổng vốn thực hiện khoảng 640,43 tỷ đồng.

6. Huyện Vạn Ninh:

- Dự án thuộc danh mục đầu tư trung hạn khoảng 26 dự án, với tổng vốn thực hiện khoảng 76,90 tỷ đồng;

- Dự án đề nghị bổ sung và các dự án thực hiện bằng các nguồn vốn khác khoảng 74 dự án, với tổng vốn thực hiện khoảng 1.242,67 tỷ đồng.

7. Huyện Khánh Vĩnh:

- Dự án thuộc danh mục đầu tư trung hạn khoảng 09 dự án, với tổng vốn thực hiện khoảng 28,00 tỷ đồng;

- Dự án đề nghị bổ sung và các dự án thực hiện bằng các nguồn vốn khác khoảng 19 dự án, với tổng vốn thực hiện khoảng 12,20 tỷ đồng.

8. Huyện Khánh Sơn:

- Dự án thuộc danh mục đầu tư trung hạn khoảng 06 dự án, với tổng vốn thực hiện khoảng 7,00 tỷ đồng;

- Dự án đề nghị bổ sung và các dự án thực hiện bằng các nguồn vốn khác khoảng 13 dự án, với tổng vốn thực hiện khoảng 20,20 tỷ đồng.

9. Liên huyện:

- Dự án thuộc danh mục đầu tư trung hạn khoảng 07 dự án, với tổng vốn thực hiện khoảng 499,00 tỷ đồng;

- Dự án đề nghị bổ sung và các dự án thực hiện bằng các nguồn vốn khác khoảng 22 dự án, với tổng vốn thực hiện khoảng 149,50 tỷ đồng.

IV. Tổ chức thực hiện:

1/ Trên cơ sở những nhiệm vụ chủ yếu trong kế hoạch này, Giám đốc các Sở; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, trực tiếp chỉ đạo xây dựng, thực hiện kế hoạch có liên quan đến sở, ngành, địa phương mình quản lý. Đồng thời, xây dựng nhiệm vụ cụ thể trong kế hoạch hằng năm để triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ và hiệu quả đã đề ra.

2/ Trách nhiệm của các sở, ngành, đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ và danh mục các công trình, dự án trọng điểm (*chi tiết kèm theo phụ lục*) của Kế hoạch:

2.1. Sở Xây dựng:

- Giao Sở Xây dựng chủ trì, tổng hợp, báo cáo tình hình triển khai thực hiện cho Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch này.

- Là cơ quan thường trực triển khai, có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện ở các cơ quan, đơn vị, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chịu trách nhiệm chính và phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực liên quan đến việc đền bù, thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án trọng điểm của Kế hoạch này.

2.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương ưu tiên, bảo đảm đủ nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển, vốn đầu tư công để thực hiện các nhiệm vụ, danh mục các công trình, dự án trọng điểm thuộc Kế hoạch này.

- Chủ trì và phối hợp các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch mời gọi, thu hút đầu tư cho các công trình, dự án trọng điểm.

2.4. Sở Tài chính:

Chủ trì và phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các địa phương và các đơn vị có liên quan cân đối và trình cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ liên quan thuộc Kế hoạch này.

2.5. Sở Thông tin và Truyền thông:

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng (báo chí, truyền hình, truyền thanh...) phối hợp với các địa phương và các đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa; góp phần nâng cao nhận thức trong các tầng lớp nhân dân về vai trò, ý nghĩa, quyền lợi và nghĩa vụ của việc tham gia xây dựng nếp sống văn minh đô thị.

2.6. Các Sở, ban, ngành, đơn vị:

Căn cứ theo chuyên môn, chức năng nhiệm vụ được phân công chịu trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với các sở, ngành, địa phương để thực hiện các dự án, công trình trọng điểm của Kế hoạch này theo phân công.

2.7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Triển khai, phổ biến, tuyên truyền rộng rãi các nội dung của Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa và nội dung Kế hoạch này.

- Chủ trì hoặc phối hợp với các sở, ngành, đơn vị phương để thực hiện các dự án, công trình trọng điểm của Kế hoạch này theo phân công.

- Hoàn thành các đề án phát triển từng đô thị và đề án phân loại đô thị tại địa phương.

3. Giám đốc các Sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đơn đốc việc thực hiện kế hoạch này; định kỳ vào cuối của một quý báo cáo cho Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

(Đính kèm các phụ lục liên quan)



ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Công Thiên

**PHỤ LỤC 1.1: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN
ĐỊNH HƯỚNG CHO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2018 CỦA THÀNH PHỐ NHA TRANG**

(Đơn vị tiền tệ: tỷ đồng)

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHẦN KỶ VỐN THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
TỔNG CỘNG			25.285,72		3.187,24	6.228,59	9.335,83	
A	CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 2016 - 2020		6.485,99		1.587,73	1.172,46	2.760,19	
A.1	Đề án quy hoạch		-		-	-	-	
A.2	Hạ tầng kỹ thuật		6.454,69		1.581,03	1.171,16	2.752,19	
a.2.1	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến đường mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua TP Nha Trang (phần 01 bên đường còn lại đối với các đoạn qua đô thị, qua khu dân cư đồng đúc)	2018-2020	17,00	UBND NT		5,00	5,00	UBND tỉnh đã phê duyệt BCNCKT do KH trung hạn lần 4 (NQ 80/NQ-HĐND ngày 18/8/2016) bố trí vốn 2018 - 2020 do đó chưa phê duyệt được bước thiết kế bản vẽ thi công. Đề nghị bố trí vốn để thực hiện theo tiến độ chương trình
a.2.2	CSHT khu dân cư Tổ 32-33 Vĩnh Thọ, TP Nha Trang	2014-2016	69,10	UBND NT	25,00		25,00	Đã hoàn thành với giá trị hoàn thành là 69,0692 tỷ; trong đó ĐBBGT là 55 tỷ. CPXD: 14,0692 tỷ
a.2.3	Cầu qua sông Cái - xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang	2017-2019	175,00	UBND NT		25,00	25,00	Đang trình thẩm định nguồn vốn nhưng chưa có ý kiến quyết định của tỉnh để TP triển khai lập dự án. Đề nghị thẩm định và bố trí vốn để thực hiện theo tiến độ chương trình
a.2.4	Đường Phong Châu, thành phố Nha Trang	2014-2017	753,01	BQLDA ĐTXD CÁC CT NÔNG NGHIỆP & PTNT	161,00		161,00	
a.2.5	Đường Nha Trang đi Đà Lạt, đoạn Nha Trang - Diên Khánh (Cao Bá Quát - Cầu Lùng)	2014-2017		BQLDA ĐTXD CÁC CT NÔNG NGHIỆP & PTNT	412,00		412,00	
a.2.6	HT Thoát lũ từ cầu Phú Vinh về đầu Sông Tắc	2011-2018		BQLDA ĐTXD CÁC CT NÔNG NGHIỆP & PTNT	22,50		22,50	
a.2.7	Đường số 4 - Tây Lê Hồng Phong	2013-2015		BQLDA ĐTXD CÁC CT NÔNG NGHIỆP & PTNT	14,00		14,00	
a.2.8	Đường số 28 - Tây Lê Hồng Phong	2013-2015		BQLDA ĐTXD CÁC CT NÔNG NGHIỆP & PTNT	-		-	
a.2.9	Chính trị hạ lưu sông Tắc, sông Quán Trường, Tp Nha Trang	2009-2017	593,31	BQLDA ĐTXD CÁC CT NÔNG NGHIỆP & PTNT	80,00		80,00	
a.2.10	Các tuyến đường, các nút giao thông kết nối khu sân bay Nha Trang	2017-2018	1,015,00	Công ty Cổ phần Tập đoàn Phúc Sơn	300,00	715,00	1,015,00	Dự án BT
a.2.11	Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án thành phố Nha Trang	2017-2022	1,607,51	Ban QLDA Phát triển tỉnh Khánh Hòa	9,93	299,88	309,81	Theo Nghị Quyết 14/NQ-HĐND ngày 06/12/2017
b.2.28	Đầu tư hoàn chỉnh Đường số 4 (đoạn từ đường số 23 đến đường số 28)	2017-2019		BQLDA ĐTXD CÁC CT NÔNG NGHIỆP & PTNT	-	15,00	15,00	Theo Nghị Quyết 14/NQ-HĐND ngày 06/12/2017
b.2.29	Khu tái định cư xã Vĩnh Thái phục vụ giải tỏa thực hiện dự án Trục đường Bắc Nam khu trung tâm hành chính mới của tỉnh	2017-2019		BQLDA ĐTXD CÁC CT NÔNG NGHIỆP & PTNT	-	10,00	10,00	
b.2.30	Tuyến đường nối từ đường quy hoạch số 14 của khu dân cư Đường Đệ ra đến đường Phạm Văn Đồng	2012-2017	18,42	TIPTQĐ	4,20		4,20	
b.2.31	Hệ thống thoát nước mưa khu vực Nam hòn Khô (giai đoạn 2) - Tuyến T1	2013-2017	79,81	Ban QLDA Phát triển tỉnh Khánh Hòa	27,30		27,30	
b.2.33	Xử lý nước thấm qua tường thoát lũ phía Tây khu dân cư Đường Đệ	2017-2018	5,71	TIPTQĐ	5,10	1,28	6,38	
b.2.38	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Bình Khiêm - Hà Ra (giai đoạn 1)	2015-2017	120,83	Ban QLADĐT xây dựng các CTGT	20,00	100,00	120,00	Theo Nghị Quyết 14/NQ-HĐND ngày 06/12/2017
b.2.40	Trục đường Bắc Nam khu trung tâm hành chính mới của tỉnh	2017-2020	2,000,00	BQLDA ĐTXD CÁC CT NÔNG NGHIỆP & PTNT	500,00		500,00	
A.3	Dự án khu đô thị mới, khu tái định cư và nhà ở		31,30		6,70	1,30	8,00	
a.3.1	Tàu phục vụ thu phí tham quan vịnh Nha Trang	2018	1,30	UBND NT		1,30	1,30	thuộc kế hoạch trung hạn 2018 của tỉnh với kinh phí 1,3 tỷ nhưng hiện nay tỉnh chưa bố trí vốn do đó chưa triển khai. Đề nghị bố trí vốn để triển khai.
a.3.2	Tôn tạo cảnh quan danh lam thắng cảnh khu vực đồi Trại Thủy	2014-2016	20,00	UBND NT	0,30		0,30	Đã hoàn thành. Giải ngân Giai đoạn 2012-2015: 40,42 tỷ; Giai đoạn 2016-2017: 10,4 tỷ
a.3.3	Công viên phía đông đường Trần Phú (thuộc nội thành Nha Trang)	2,017	10,00	UBND NT	6,40		6,40	Đổi tên dự án Nâng cấp công viên 2B, 3C đường Trần Phú (CV Sửa biển); đã hoàn thành
A.4	Hạ tầng xã hội - Công trình khác		1,109,31		18,56	129,81	148,37	
a.4.1	Trụ sở làm việc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Khánh Hòa	2017-2018		Sở NN	5,00	5,00	10,00	
a.4.2	Bệnh viện Ung bướu	2016 -2020	560,86	SYT	-	8,00	8,00	Theo Nghị Quyết 14/NQ-HĐND ngày 06/12/2017
a.4.3	Bệnh viện đa khoa Nha Trang	2016 -2022	292,53	SYT		50,00	50,00	Theo Nghị Quyết 14/NQ-HĐND ngày 06/12/2017
a.4.4	Xây mới 02 phòng mổ tim, phòng hồi sức sau mổ tim và cải tạo các phòng mổ, hồi sức sau mổ; hệ thống cung cấp điện cho bệnh viện ĐK tỉnh Khánh Hòa	2016 -2018	72,99	SYT		40,30	40,30	Theo Nghị Quyết 14/NQ-HĐND ngày 06/12/2017

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHÂN KÝ VON I HEO NAM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
a.4.5	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Trung tâm Điện ảnh Khánh Hòa	2016-2017	4.30	Sở Văn hóa và Thể thao		1.07	1.07	
a.4.6	Bồi thường hỗ trợ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trường CĐSP Nha Trang	2012-2018	57.97	Ban QLDA DD&CN		10.00	10.00	
a.4.7	Sửa chữa Trụ sở làm việc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	2017	0.63	TTPTQĐ	0.56		0.56	
a.4.8	Đền thờ liệt sĩ tại Nghĩa trang liệt sĩ Hòn Dung - thành phố Nha Trang	2016-2017	9.91	Sở LĐ	5.00		5.00	TW hỗ trợ vốn sự nghiệp
a.4.9	Mua sắm trang thiết bị y tế cho các Trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh (Trung tâm pháp y, Trung tâm giám định y khoa, Trung tâm phòng chống sốt rét - côn trùng - ký sinh trùng, Trung tâm phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm kiểm nghiệm, Trung tâm y tế dự phòng)	2016-2018	44.94	Sở Y tế	4.00	2.90	6.90	Theo Nghị Quyết 14/NQ-HĐND ngày 06/12/2017
a.4.10	Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	2015-2017	55.31	Sở Y tế	3.00	10.19	13.19	Theo Nghị Quyết 14/NQ-HĐND ngày 06/12/2017
a.4.11	Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	2015-2017	9.87	Sở Y tế	1.00	2.35	3.35	Theo Nghị Quyết 14/NQ-HĐND ngày 06/12/2017
B	CÁC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT BỔ SUNG		18,799.73		1,519.51	5,056.13	6,575.64	
B.1	Đồ án Quy hoạch		36.64		9.09	18.94	28.02	
b.1.1	QHCTXD tỷ lệ 1/500 Khu dân cư phường Vĩnh Phước (Tây đường 2/4), thành phố Nha Trang	2016-2017	3.90	UBND NT	2.50	1.40	3.90	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư. Dự kiến trình duyệt trong quý II/2018. Đã giải ngân 1.3
b.1.2	QHCTXD tỷ lệ 1/500 Khu dân cư phường Vĩnh Phước (Đông đường 2/4), thành phố Nha Trang	2016-2017	1.90	UBND NT	1.00	0.90	1.90	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư. Dự kiến trình duyệt trong quý II/2018. Đã giải ngân 1 tỷ
b.1.3	QHCTXD tỷ lệ 1/500 Khu dân cư đảo Trí Nguyễn	2016-2017	1.80	UBND NT	1.20	0.60	1.80	Đã hoàn thành
b.1.4	QHCTXD tỷ lệ 1/500 khu dân cư Phước Long - Vĩnh Trường (Phía Nam đường Phước Long, 80 ha)	2017-2019	2.30	UBND NT		1.30	1.30	Đang thực hiện thủ tục lựa chọn nhà thầu tư vấn lập đồ án.
b.1.5	QHCTXD 1/500 Khu dân cư Vĩnh Hiệp-Vĩnh Ngọc-khu 1 (Vĩnh Châu)	2017-2018	2.50	UBND NT	0.50	1.20	1.70	Đang thực hiện thủ tục lựa chọn nhà thầu tư vấn lập đồ án.
b.1.6	QHCTXD 1/500 Khu dân cư Vĩnh Hiệp-Vĩnh Ngọc-khu 2 (Đông Bắc KDC Vĩnh Điện Trung)	2017-2018	2.30	UBND NT	0.50	1.00	1.50	Đang thực hiện thủ tục lựa chọn nhà thầu tư vấn lập đồ án.
b.1.7	QHCTXD 1/500 Khu dân cư Tây Nam Hòn Nghê-khu 1 (Bắc Sông Cái)	2017-2018	2.20	UBND NT		1.25	1.25	Đang lấy ý kiến Sở XD Nhiệm vụ - dự toán
b.1.8	Quy chế quản lý hai bên đường Lê Hồng Phong (Vân Đồn-Phước Long)	2018-2018	0.43	UBND NT		0.30	0.30	Đang thẩm định đề cương nhiệm vụ dự toán
b.1.9	Quy chế quản lý khu vực Phước Long-Vĩnh Trường	2018-2019	0.50	UBND NT		0.35	0.35	Đang thẩm định đề cương nhiệm vụ dự toán
b.1.10	Quy chế quản lý khu vực Xương Huân-Vạn Thạnh	2018-2019	1.30	UBND NT		1.00	1.00	Đang thẩm định đề cương nhiệm vụ dự toán
b.1.11	Điều chỉnh QHSD đất đến 2020 và Kế hoạch SD đất 2016	2016-2018	2.40	UBND NT		1.55	1.55	Đang chờ QHSD đất của tỉnh được duyệt. Giải ngân đợt 1: 0.85 tỷ
b.1.12	QHCTXD Khu đô thị phía Tây thành phố Nha Trang (khu 1)	2017-2019	1.30	UBND NT		0.80	0.80	Đang lập đồ án. KH 2018
b.1.13	QHCTXD Khu đô thị phía Tây thành phố Nha Trang (khu 2)	2017-2019	1.50	UBND NT		1.00	1.00	Đang lập đồ án. KH 2018
b.1.14	QHCTXD Khu đô thị phía Tây thành phố Nha Trang (khu 3)	2017-2019	2.00	UBND NT		1.30	1.30	Đang lập đồ án. KH 2018
b.1.15	QHCTXD Khu đô thị phía Tây thành phố Nha Trang (khu 4)	2017-2019	2.00	UBND NT		1.20	1.20	Đang lập đồ án. KH 2018
b.1.16	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/2000 Khu vực Hòn Nghê, xã Vĩnh Ngọc	2017-2019	1.40	UBND NT		1.00	1.00	Đang lập đồ án. KH 2018
b.1.17	Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và Tái định cư Tây Nha Trang	2016-2018	2.23	Ban QLDA Phát triển tỉnh Khánh Hòa	0.38	1.11	1.49	Đang lập Quy hoạch
b.1.18	Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 và Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư dọc bờ sông cái Nha Trang	2017-2018	4.68	Ban QLDA Phát triển tỉnh Khánh Hòa	3.01	1.68	4.68	
B.2	Hạ tầng kỹ thuật		1,947.47		139.14	178.50	317.64	
b2.1	Nâng cấp, mở rộng đường Hàn Thuyên	2016-2017	9.40	UBND NT	8.40		8.40	Đã hoàn thành. Giải ngân ĐBGT: 4,332 tỷ. CPXD: 4,935 tỷ
b2.2	Nâng cấp, mở rộng đường Cao Văn Bé	2016-2017	5.68	UBND NT	1.10		1.10	Công trình thực hiện theo Nghị quyết 17-NQ/TU. Đã hoàn thành GP 1, hiện nay đã dừng thi công do các hộ chưa bàn giao mặt bằng để thi công
b2.3	Nâng cấp mở rộng đường Lê Lợi	2018-2019	19.00	UBND NT		6.98	6.98	Dự án thuộc KH 2019
b2.4	Mở rộng đường Pasteur, TP Nha Trang	2017	8.90	UBND NT	8.90		8.90	Đã hoàn thành
b2.5	Mở rộng đường Phó Đức, TP Nha Trang	2018-2019	16.78	UBND NT		6.00	6.00	Đang ĐBGT, KH 2018.
b2.6	Duy tu, sửa chữa vỉa hè các tuyến đường thành phố	2017-2020	25.30	UBND NT	6.20	17.10	23.30	Các công trình thuộc danh mục 2017 đã hoàn thành. Tiếp tục triển khai KH 2018
b2.7	Nâng cấp đường C2, phường Vĩnh Nguyên	2018-2020	4.76	UBND NT		0.80	0.80	Công trình thực hiện theo Nghị quyết 17-NQ/TU. Đang chờ khớp nối với dự án Minaco, chưa thực hiện
b2.8	Nâng cấp đường Châu Văn Liêm (đoạn từ Nguyễn Đức Cảnh đến Đường Quảng Hàm) - P. Phước Long	2018-2019	2.50	UBND NT		1.00	1.00	Đang lập Hồ sơ BCKTKT và ĐBGT. Công trình KH 2018
b2.9	Đường Nguyễn Chí Chích (mương thoát lũ đến đường 2/4)	2016-2017	4.91		3.00	1.90	4.90	Đang thi công; dự kiến HT Quý I/2018
b2.10	Nâng cấp đường Ba Làng (Giai đoạn 2)	2016-2017	4.71		4.71		4.71	Đã hoàn thành
b2.11	Các công trình thực hiện theo nghị quyết số 17 của Thành ủy Nha Trang	2018-2020	59.10			18.40	18.40	Đang triển khai thực hiện theo danh mục đăng ký cụ thể từng năm của các địa phương
b2.12	Đồ án tổ chức giao thông	2018-2019	4.00			2.00	2.00	Đang rà soát và lập Đề án điều chỉnh giai đoạn 2016-2020
b2.13	Chương trình thực hiện Nghị quyết 05 về nâng cấp bém nối thị và đường GTNT	2016-2020	16.44			5.00	5.00	Đang triển khai theo nhu cầu cụ thể từng năm của từng địa phương

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHẦN KỶ VỐN THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
b2.14	Đường vào khu du lịch bùn khoáng nóng Tháp bà, TP Nha Trang	2017-2020	200.00		30.00	50.00	80.00	Đang lập dự án
b2.15	Đề án xây dựng ngầm đô thị, quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật (khu vực nội thành)- Đề án hạ ngầm dây điện, cáp nổi đường Lê Thánh Tôn	2018-2020	44.00			14.00	14.00	Đang hoàn chỉnh Đề án để trình duyệt, KH 2018
b2.16	Duy tu, sửa chữa mạng đường khu AT và khu Nam Hòn Khô	2016-2020	9.70			9.50	9.50	Đã PD HSMT, đang triển khai các thủ tục đầu thầu. Dự kiến triển khai 2018
b2.17	Kê núi Sơn khu vực Trường Phúc (giai đoạn I)	2016-2017	5.45		2.45	-	2.45	Đã hoàn thành
b2.18	Thoát nước đường 2/4 đoạn Tháp Bà	2018-2019	15.00		-	5.00	5.00	Đang lập dự án
b2.19	Xử lý thoát nước, chống ngập úng trên địa bàn thành phố Nha Trang (Khu vực Quận Trần; Khu vực Vĩnh Diễm xã Vĩnh Ngọc - Vĩnh Hiệp; Chợ Bàu Vĩnh Thọ; Đường Chữ Đồng Từ Vĩnh Thọ; Đường Ngô Đến, Ngọc Sơn - Ngọc Hiệp; Trần Phú Nóng Cầu Dứa xã Vĩnh Ngọc)	2016-2018	24.70		14.70	10.00	24.70	Đã HT giai đoạn 1; tiếp tục triển khai giai đoạn 2, dự kiến HT trong 2018
b2.20	Duy tu, sửa chữa công trình hạ tầng kỹ thuật bậc xúc phục vụ dân sinh (hệ thống thoát nước, đĩnh miếu, điện chiếu sáng)	2016-2020	74.53		11.48	10.12	21.60	Đã hoàn thành các công trình thuộc KH 2016-2017. Tiếp tục triển khai các công trình 2018
b2.21	Hệ thống đường ống cấp 3 thu gom nước thải khu dân cư Đường Đê	2019-2020	17.50			0.50	0.50	Đang đánh giá tác động môi trường, Dự án thực hiện 2018-2020
b2.22	Kế hoạch đầu tư nước thải thành phố giai đoạn 2016 - 2020	2018-2020	11.20			1.20	1.20	Đang thực hiện, KH 2018
b2.23	Kế hoạch thu gom rác thải và lắp đặt thùng rác thành phố giai đoạn 2016 - 2020	2016-2020	5.00		2.00	1.00	3.00	Đã hoàn thành KH 2017. Tiếp tục triển khai theo KH từng năm
b2.24	Đề án nghiên cứu chỉnh trang cây xanh, cảnh quan TPNT 2016-2020	2016-2020	2.20			0.20	0.20	Đang thực hiện, KH 2018
b2.25	Trồng cây xanh các tuyến đường thành phố và công viên	2018-2020	3.00			1.00	1.00	Đang lập Dự án. KH 2018
b2.26	Xây dựng nhà vệ sinh tuyến công viên biển	2017-2018	6.40		3.10	3.30	6.40	Đã hoàn thành KH 2017. Tiếp tục triển khai KH 2018
b2.27	Điện chiếu sáng đô thị	2017-2020	16.70	UBTP NT		6.70	6.70	Đang thực hiện theo KH hàng năm
b2.28	Hồ chứa nước Đắc Lộc	2014-2018	188.80	Số NN	32.10		32.10	không bố trí vốn năm 2018 do giải ngân dưới 30% KH vốn 2017
b2.29	Đường Quốc lộ 1A đi cầu Bến Miếu - đoạn Quốc lộ (Km1449) đi Tiểu đoàn 2-E23	2017-2020	82.66	CA tỉnh	2.00		2.00	
b2.30	Đường 38 - khu dân cư xã Phước Đồng	2016-2017	18.36	UBND NT	9.00		9.00	
b2.31	Dự án Mở rộng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại một số khu vực nội thị thành phố Nha Trang	2018-2020	1,034.00	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Thương mại Phú Điện	-	-	-	Dự án BT
b2.32	Cắm mốc, khơi thông dòng chảy sông Bà Vệ và sông Kim Bồng	2017-2018	6.80	Ban QLDA Phát triển tỉnh Khánh Hòa	-	6.80	6.80	Đã phê duyệt BCKTKT, đang chờ bố trí vốn
B3	Dự án khu đô thị mới, khu tái định cư và nhà ở		15,065.45		1,064.31	4,545.14	5,609.45	
b.3.1	CSHT Khu TDC Hòn rở 2	2016-2018	95.00		25.00	20.00	45.00	Đang thi công và đã giải ngân năm 2017: 25 tỷ. Tiếp tục thực hiện GPĐ 2018-2019 với nhu cầu vốn 45 tỷ
b.3.2	Khu tái định cư Phước Hạ	2017	20.61	UBTP NT	20.61		20.61	Đã hoàn thành giai đoạn 1 (3,1 ha)
b.3.3	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Ngọc Hiệp	2017-2018	161.70	Ban QLDA Phát triển tỉnh Khánh Hòa	40.45	50.00	90.45	
b.3.4	Khu đô thị Mỹ Gia, 182ha	2,017	710.00	Cty CP PTĐT Vĩnh Thái	710.00		710.00	
b.3.5	Khu đô thị phía Tây khu dân cư sông Tác I và khu dân cư phía Tây Lê Hồng Phong (An Bình Tân) - giai đoạn 1	2017-2020	985.00	Cty Cp Xây lắp VTKT	246.25	246.25	492.50	
b.3.6	Khu dân cư đô thị Nam Vĩnh Hải, 33,39ha	2017-2019	66.00	Cty Cổ phần Vật tư Nông sản	22.00	22.00	44.00	
b.3.7	Khu nhà ở Phước Đồng	2018-2020	150.00	Công ty TNHH Quốc Hạn		50.00	50.00	
b.3.8	Khu dân cư Phú Nông	2018-2020	8.91	Công ty CP Đầu tư VCN		8.91	8.91	
b.3.9	Khu dân cư Bắc Vĩnh Hải	2018-2020	172.38	Cty TNHH MTV Phát triển nhà Khánh Hòa		72.38	72.38	
b.3.10	Khu dân cư Cồn Tân Lập	2018-2020	632.00	Cty CP Sông Đà-Nha Trang		210.67	210.67	
b.3.11	Khu biệt thự cao cấp Ocean View Nha Trang	2018-2020	111.00	Cty TNHH TM-DV Thiên Nhân II		37.00	37.00	
b.3.12	Khu biệt thự sinh thái Cozy Garden	2018-2020	64.00	Cty TNHH MTV Vĩnh Trà		21.33	21.33	
b.3.13	Khu Biệt Thự Sinh Thái Hòn Rở (Khu B)	2018-2020	82.10	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Nhà Và Đô Thị Nha Trang		27.37	27.37	
b.3.14	Khu biệt thự nhà vườn Hòn Một	2018-2020	305.00	Công Ty TNHH sản xuất và xây dựng Khánh Hòa		101.67	101.67	
b.3.15	Khu biệt thự và du lịch sinh thái Vĩnh Trung	2018-2020	298.00	Công Ty TNHH sản xuất và xây dựng Khánh Hòa		99.33	99.33	
b.3.16	Khu đô thị VCN - Phước Long I (1*)	2018-2019	200.00	Công ty CP Đầu tư VCN		100.00	100.00	
b.3.17	Khu đô thị VCN - Phước Long II (2*)	2019-2020	200.00	Công ty CP Đầu tư VCN		-	-	
b.3.18	Khu đô thị mới Phúc Khánh I	2018-2019	170.00	Công ty CP Tập đoàn Phúc Sơn		85.00	85.00	

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	KHOA GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHÂN KÝ VỐN THEU NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
b.3.19	Khu đô thị mới Phúc Khánh 2	2019-2020	600.00	Công ty CP Tập đoàn Phúc Sơn				
b.3.20	Khu đô thị mới Khatoco	2018-2020	900.00	Tổng công ty Khánh Việt		300.00	300.00	
b.3.21	Khu nhà ở Diamond Nha Trang	2018-2020	200.00	Công ty TNHH Ponaga		66.67	66.67	
b.3.22	Khu dân cư Đất mới Phước Điện	2018-2020	120.00	Công ty CP Đất Mới		40.00	40.00	
b.3.23	Khu dân cư phía Tây Đất Lành	2018-2020	250.00			50.00	50.00	
b.3.24	Khu đô thị GreenHill Villas	2018-2020	295.00	Công ty CP Nhật Tiến Khánh Hòa		95.00	95.00	
b.3.25	Khu Biệt thự cao cấp Vĩnh Hòa	2018-2019	107.19	Doanh nghiệp tư nhân Việt Thắng		53.60	53.60	
b.3.26	Khu dân cư Phước Long Vĩnh Trường	2018-2020	250.00	Công ty CP Đầu tư Phát triển LOCUS		50.00	50.00	
b.3.27	Khu trung tâm đô thị Thương mại - Dịch vụ - Tài chính - Du lịch Nha Trang (phần khu 1)	2018-2020	678.00	Liên danh Công ty Cổ phần đầu tư Bất động sản Thành Đông và Tổng công ty 319 - Bộ Quốc phòng.		278.00	278.00	
b.3.28	Khu đô thị cao cấp Diamond Bay	2018-2020	1,500.00	Cty TNHH Hoàn Cầu Nha Trang		500.00	500.00	
b.3.29	Khu Biệt Thự Kim Vân Thủy	2018-2019	64.70	Công Ty TNHH Thương Mại Du Lịch Kim Vân Thủy		32.35	32.35	
b.3.30	Làng biệt thự cao cấp Cảnh Viên Hải Sơn	2018-2019	43.50	Công Ty TNHH P&P		21.75	21.75	
b.3.31	Khu Dân Cư Hồ Vĩnh Hòa	2018-2019	68.00	Công Ty Cổ Phần Đông Dương-Nha Trang		34.00	34.00	
b.3.32	Làng biệt thự Cổ Tiên	2018-2019	100.00	Công Ty Cổ Phần Granit Vina		50.00	50.00	
b.3.33	Trung Tâm Thương Mại - Khu Nhà ở Liên Kế Phước Lợi	2018-2019	99.90	Công Ty TNHH Thương Mại Quang Thanh		49.95	49.95	
b.3.34	Khu Dân Cư Vĩnh Châu	2018-2019	49.20	Công Ty TNHH Thương Mại Quang Thanh		24.60	24.60	
b.3.35	Khu Dân Cư Nhà Vườn Phước.Thương	2018-2019	34.80	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Núi Sơn		17.40	17.40	
b.3.36	Khu Biệt Thự Vườn Đồi Đường Đệ	2018-2020	150.00	Công Ty TNHH Tâm Trinh		50.00	50.00	
b.3.37	Khu Dân Cư N.V.T	2018-2019	83.00	Công Ty Cổ Phần N.V.T		41.50	41.50	
b.3.38	Khu đô thị Hưng Thịnh	2018-2019	100.00	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Thương Mại Hưng Thịnh		50.00	50.00	
b.3.39	Khu dân cư sinh thái Vườn Tài	2018-2020	150.00	Công Ty TNHH Phúc Hậu Từ Hải		50.00	50.00	
b.3.40	Khu Biệt Thự Sinh Thái Vườn Đồi Bãi Tiên	2018-2019	39.00	Công Ty TNHH MTV Tân Phú Điều chỉnh CĐT CTCP Phát triển Du lịch Cam Ranh		19.50	19.50	
b.3.41	Khu Biệt Thự phức hợp Phúc Sơn (giai đoạn 1)	2018-2020	900.00	CTCP Tập đoàn Phúc Sơn		300.00	300.00	
b.3.42	Chinh trang đô thị, cải tạo môi trường cồn Nhất Trí	2018-2020	1,200.00	CTCP Đầu tư Phạm Trần CTCP Hùm Lam		400.00	400.00	
b.3.43	Khu nhà ở của Nha Trang Bay	2018-2020	550.00	Công ty CP Nha Trang Bay		150.00	150.00	
b.3.44	Khu biệt thự sinh thái cao cấp Nha Trang Sea View	2018-2019	78.60	Công ty TNHH Thương mại Kim Tín		39.30	39.30	
b.3.45	Khu đô thị sinh thái bán đảo Thanh Phong	2018-2020	395.60	Công ty cổ phần xây lắp vật tư kỹ thuật Temateco		131.87	131.87	
b.3.46	Khu nhà ở biệt thự vườn đồi và du lịch sinh thái Golden Beach Villas	2018-2020	186.00	Công ty cổ phần thương mại địa ốc Bình Minh		62.00	62.00	
b.3.47	Khu biệt thự Seaview	2,018	40.00	Công ty TNHH Đầu tư và PT địa ốc		40.00	40.00	
b.3.48	Khu đô thị sinh thái VCN	2018-2020	500.00	Công ty CP VCN		100.00	100.00	
b.3.49	Khu đô thị Mipeco Nha Trang	2018-2021	235.26	Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội		78.42	78.42	
b.3.50	Dự án chỉnh trang đô thị khu vực núi Chụt và vùng phụ cận	2018-2022	460.00	CTCT Đầu tư Gia Tuệ		153.33	153.33	
b.3.51	Khu dân cư sinh thái và Khu du lịch sinh thái Vĩnh Lương	2018-2023	120.00	Công ty TNHH Tâm Hương		40.00	40.00	
b.3.52	KDL và Biệt thự Trung Lũng Hoa Vàng	2,018	24.00	Công ty TNHH Thời trang Tinh Hoa Việt		24.00	24.00	
b.3.53	Khu tái định cư SI	2,017	62.00	Công ty cổ phần Vinpearl				
B.4	Hệ thống xử lý - công trình khác		1,750.17		306.97	313.56	620.53	
b.4.1	Trụ sở làm việc ban QL Vĩnh	2017-2018	7.72		7.72		7.72	Đã hoàn thành

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHẦN KỶ VỐN THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
b.4.2	Trụ sở UBND phường Phước Hải	2016-2017	15.52		0.53	14.90	15.43	Dự án đã phê duyệt chờ Công ty Hà Quang thực hiện ĐBOT & bàn giao MB để thi công
b.4.3	Trụ sở làm việc Đội Thanh niên Xung kích	2017-2018	8.00		8.00		8.00	Đã hoàn thành
b.4.4	Trụ sở làm việc Ban Quản lý Dịch vụ công ích	2.017	8.70		8.70		8.70	Đã hoàn thành
b.4.5	Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa trụ sở các cơ quan	2016-2020	31.55		3.00	3.50	6.50	Đang triển khai theo kế hoạch hàng năm
b.4.5.1	Trường mầm non Vĩnh Thọ	2.017	1.69		1.69		1.69	Đã hoàn thành
b.4.5.2	Trường mầm non Vĩnh Nguyên I	2.017	2.35		2.35		2.35	Đã hoàn thành
b.4.5.3	Trường mầm non Phước Đông	2.017	3.26		3.26		3.26	Đã hoàn thành
b.4.5.4	Trường mầm non Vĩnh Thành (điểm trung tâm xã)	2016-2017	2.43		0.43		0.43	Đã hoàn thành
b.4.6	Trường THCS Bùi Thị Xuân	2018-2019	26.40		11.90	12.00	23.90	Đang triển khai KH 2018 -2019
b.4.7	Trường tiểu học Đất Lành (gd 1)	2018-2019	26.80		10.00	10.50	20.50	Đang triển khai thi công
b.4.8	Trường mầm non Đất Lành (gd 1)	2018-2019	13.70		6.00	7.70	13.70	Đã hoàn thành, giải ngân 2017: 6 tỷ, 2018: 7.7 tỷ
b.4.9	Trường THCS Vĩnh Thái	2018-2019	24.50		10.00	13.20	23.20	Đang thi công
b.4.10	Trường mầm non Bình Khê (điểm Lê Chân)	2016-2017	2.53		1.00		1.00	Đã hoàn thành
b.4.11	Trường Mầm Non Vạn Thạnh	2017	3.24		3.24		3.24	Đã hoàn thành
b.4.12	Xây dựng mới trường tiểu học Vĩnh Lương 2 (thôn Cầu Hầm)	2018-2019	25.00			10.00	10.00	Đang triển khai lựa chọn nhà thầu XL
b.4.13	Trường THCS Võ Văn Ký (cơ sở 2)	2017	4.74		4.74		4.74	Đã hoàn thành
b.4.14	Trường TH Vĩnh Trường - HM: XDM 06 phòng học, WC	2016-2018	16.70		1.70		1.70	Đã hoàn thành
b.4.15	Trường TH Vĩnh Hải 2 (điểm phụ) - HM: XDM WC, nâng cấp, cải tạo tường rào, phòng học	2.018	13.82			13.82	13.82	Đã phê duyệt BCKTKT và phân bổ Vốn 2018: 13,82 tỉ
b.4.16	Trường TH Phước Tiến - HM: XDM bếp, phòng chức năng, nhà xe	2017	4.83		4.83		4.83	Đã hoàn thành
b.4.17	Trường mầm non Tân Lập - HM: xây dựng phòng học, phòng chức năng	2017	1.42		1.42		1.42	Đã hoàn thành
b.4.18	Trường mầm non Ngọc Hiệp - HM: XDM 6 phòng học, khu hiệu bộ	2017-2018	8.78		0.43	3.45	3.88	Đang thi công và giải ngân 0,429 tỷ
b.4.19	Trường mầm non Hoa Hồng - HM: xây dựng phòng học, phòng chức năng	2018	5.50			5.50	5.50	Đang lập BCKTKT
b.4.20	Trường mầm non Phước Tiến - HM: xây dựng phòng học, phòng chức năng	2016-2018	3.60		1.00		1.00	Đã hoàn thành
b.4.21	Trường TH Phước Hòa 2 - HM: XDM nhà 3 tầng	2018	6.60			6.60	6.60	Không thực hiện do vướng QH
b.4.22	Trường TH Vĩnh Phước 2 - HM: XDM phòng chức năng, đa năng	2018-2019	8.20			3.20	3.20	đã phê duyệt BCKTKT và dự kiến triển khai 2019
b.4.23	Trường mầm non Vĩnh Phước - HM: xây dựng phòng học, phòng chức năng	2017	3.72		3.72		3.72	Đã hoàn thành
b.4.24	Trường mầm non Phước Hải (cơ sở 1&2) - HM: xây dựng phòng học, phòng chức năng	2018	11.00			11.00	11.00	Đang trình phê duyệt BCKTKT
b.4.25	Trường mầm non Vĩnh Phương 1 (điểm chính) - HM: XDM phòng chức năng, bếp, WC	2017-2018	3.84		1.90	1.94	3.84	đang thi công đã thanh toán 1,9 tỉ
b.4.26	Nâng cấp Trường THCS Bạch Đằng	2018	3.50			3.50	3.50	Đang lập BCKTKT, KH 2018
b.4.27	Trường tiểu học Vạn Thắng	2017-2018	7.99		1.79	6.20	7.99	đang thi công đã giải ngân 1,792 tỉ
b.4.28	Trường mầm non Vĩnh Hòa (điểm phụ)	2017-2018	13.25		13.25		13.25	Đã hoàn thành
b.4.29	Trường THCS Phan Sào Nam - HM: khôi học tập, nhà đa năng, nhà hành chính, nhà xe	2017-2018	17.66		5.66	12.00	17.66	Đang triển khai thi công và đã giải ngân 5,660 tỉ
b.4.30	Trường THCS Nguyễn Công Trứ - HM: XDM 6 phòng học, khu WC	2016	3.44					Đã hoàn thành
b.4.31	Trường THCS Cao Thắng - HM: XDM nhà đa năng	2017-2018	7.20		2.70	4.50	7.20	Đang thi công và giải ngân 2,7 tỉ
b.4.32	Duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các phòng học và nhà vệ sinh	2016-2020	65.00		7.00	14.50	21.50	Đang triển khai theo kế hoạch hàng năm
b.4.33	Đề án Tăng cường cơ sở vật chất cho các trường mầm non thành phố Nha Trang giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030	2016-2020	99.70		19.93	19.93	39.86	Đang triển khai theo kế hoạch hàng năm
b.4.34	Trung tâm thông tin chỉ huy và lắp đặt hệ thống Camera quan sát trên địa bàn thành phố	2016-2018	22.74		5.68	10.00	15.68	Đang thi công, giải ngân 12,736 tỷ
b.4.35	Hạ tầng thông tin các xã phường	2016-2020	10.12		2.00	1.50	3.50	Đang triển khai theo kế hoạch hàng năm
b.4.36	Công trình phòng thủ quân sự	2016-2020	5.00		1.00	1.00	2.00	Đang triển khai theo kế hoạch hàng năm và giải ngân 1,09 tỷ
b.4.37	Đề án đặt tên đường	2016-2018	1.45		0.30	0.65	0.95	Đang triển khai
b.4.38	Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin	2016-2020	11.45		3.45	2.00	5.45	Đang triển khai theo kế hoạch hàng năm
b.4.39	Đề án Xây dựng thành phố "Đô thị văn minh - Cộng dân thân thiện giai đoạn 2016 - 2020	2016-2020	10.00		2.00	2.00	4.00	Đang triển khai theo kế hoạch hàng năm
b.4.40	Chương trình MTQG Giải quyết việc làm - Xoá đói giảm nghèo	2016-2020	5.00		1.00	1.00	2.00	Đang triển khai theo kế hoạch hàng năm
b.4.41	Đề án Thực hiện mục tiêu không có người lang thang xin ăn trên địa bàn TP Nha Trang giai đoạn 2015 - 2020	2016-2020	8.00		1.50	1.50	3.00	Đang triển khai theo kế hoạch hàng năm
b.4.42	Chương trình sửa chữa, xoá nhà tranh tre đốt nát cho đối tượng chính sách theo QĐ 22	2016-2020	5.00		1.00	1.00	2.00	Đang triển khai theo kế hoạch hàng năm
b.4.43	Kế hoạch phát triển nhân lực TP Nha Trang giai đoạn 2016 - 2020	2016-2020	2.50		0.50	0.50	1.00	Đang triển khai theo kế hoạch hàng năm
b.4.44	Đề án Cơ sở dữ liệu bộ tịch điện tử toàn quốc	2016-2020	2.50		0.50	0.50	1.00	Đang triển khai theo kế hoạch hàng năm
b.4.45	Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn thành phố Nha Trang giai đoạn 2016-2020	2016-2020	5.14		0.64	1.00	1.64	Đang triển khai theo kế hoạch hàng năm
b.4.46	Trường THCS Xương Huân - Nha Trang	2017	31.40	UBTP NT	31.40		31.40	Đã hoàn thành
b.4.47	Trung tâm ứng dụng tiến bộ KHCN Khánh Hòa	2016-2020	109.07	Sở KHCN		8.00	8.00	đến ngày 30/9 giải ngân dưới 30% KH, nên năm 2017 kg bố trí vốn
b.4.48	CSHT khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông	2006-2018	562.82	BQL TP	50.00	15.00	65.00	
b.4.49	Chương trình đào tạo nghề 2011	2016-2019	41.46	Trg CD Nghề NT	4.30	4.08	8.38	đội ứng ODA

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHÂN KÝ VON THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
b.4.50	Nhà huyện tập và thi đấu đa năng Trường TCKT Khánh Hòa	2017-2018	10.50	Trường TCKT	4.00	6.20	10.20	
b.4.51	Nâng cấp thư viện của Trường Đại học Khánh Hòa	2017-2018	9.50	Trường ĐH Khánh Hòa	4.50	4.00	8.50	
b.4.52	Trang thiết bị dạy học và nâng cấp cơ sở vật chất Trường Đại học Khánh Hòa	2017-2018	7.00	Trường ĐH Khánh Hòa	2.50	2.00	4.50	
b.4.53	Nhà ở CB-CS và hội trường của Đại đội Trinh sát 21	2016-2017	10.43	BCHQST	-	5.00	5.00	đến ngày 30/9 giải ngân dưới 30% KH, nên năm 2017 kg bố trí vốn
b.4.54	Trụ sở làm việc Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Khánh Hòa	2016-2017	14.16	CA PCCC	-	10.39	10.39	đến ngày 30/9 giải ngân dưới 30% KH, nên năm 2017 kg bố trí vốn
b.4.55	Cải tạo Hội trường UBND tỉnh	2017	4.36	VP UBND tỉnh	3.90		3.90	
b.4.56	Xây mới 02 phòng mổ tim, phòng hồi sức sau mổ tim và cải tạo các phòng mổ, hồi sức sau mổ; hệ thống cung cấp điện cho bệnh viện ĐK tỉnh Khánh Hòa	2016-2018	72.99	Sở Y tế	-	40.30	40.30	đến ngày 30/9 giải ngân dưới 30% KH, nên năm 2017 kg bố trí vốn
b.4.57	Trung tâm chỉ huy Cảnh sát phòng cháy chữa cháy tỉnh Khánh Hòa	2017-2020	143.42	CA PCCC	20.00	8.00	28.00	đối ứng vốn TW
b.4.58	Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng ngập mặn ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Nha Trang	2015-2020		Sở NN		10.00	10.00	
b.4.59	Trường THPT Nam Nha Trang (giai đoạn 1)	2013-2017	62.42	Ban QLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp	11.62		11.62	
b.4.60	Bồi thường hỗ trợ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trường CĐSP Nha Trang	2012-2018	57.97	Ban QLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp	5.11		5.11	
b.4.61	Bồi thường hỗ trợ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trường CĐ Y tế Khánh Hòa	2016-2018	9.93	Ban QLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp	2.21		2.21	

PHỤ LỤC 1.2: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN
ĐỊNH HƯỚNG CHO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2018 CỦA THÀNH PHỐ CAM RANH

(Đơn vị tiền tệ: tỷ đồng)

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHÂN KÝ VỐN THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
	TỔNG CỘNG		3,750.17	-	92.31	130.56	222.86	
A	CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 2016 - 2020		811.01	-	58.77	114.00	172.77	
A.1	Bộ án Quy hoạch							
A.2	Hạ tầng kỹ thuật		666.73	-	36.80	109.00	145.80	
a.2.1	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến đường mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua TP Cam Ranh (phần 01 bên đường còn lại đối với các đoạn qua đô thị, qua khu dân cư đông đúc)	2018-2020	23.00	UBND CR	-	-	-	
a.2.2	Cảng cá động lực thuộc Trung tâm nghề cá lớn Khánh Hòa (gđ 1)	2016-2020	151.20	Sở NN	1.30	12.00	13.30	Theo Nghị Quyết 14/NQ-HĐND ngày 06/12/2017
a.2.3	Nâng cấp cảng cá Đá Bạc	2017-2020	214.93	Sở NN	-	82.00	82.00	Theo Nghị Quyết 14/NQ-HĐND ngày 06/12/2017
a.2.4	Kè bảo vệ hai bờ sông Trà Long	2014-2018	110.00	UBND CR	28.00	15.00	43.00	Đã thi công hoàn thành giai đoạn 2 đang triển khai giai đoạn 3
a.2.5	Đường Lê Lợi	2009-2017	27.35	UBND CR	7.50	-	7.50	Hoàn thành
a.2.6	Đường Lê Duẩn - đoạn 3 (từ đường Nguyễn Lương Bằng đến đường Nguyễn Công Trứ)	2017-2020	140.25	TP Cam Ranh	-	-	-	Đơn vị tư vấn đang lập hồ sơ TKBVTC&ĐT. Đang tổ chức kiểm kê GTMB (Đoạn từ Nguyễn Lương Bằng đến Lê Lợi)
A.3	Dự án khu đô thị mới, khu tái định cư và nhà ở							
A.4	Hạ tầng xã hội - công trình khác		144.28		21.97	5.00	26.97	
a.4.1	Trung tâm y tế Cam Ranh	2019-2020	35.00	Sở Y tế	-	-	-	
a.4.2	Bệnh viện đa khoa khu vực Cam Ranh	2008-2017	80.00	Sở Y tế	15.97	-	15.97	
a.4.3	Trung tâm (trạm) kiểm dịch y tế quốc tế tại cảng hàng không quốc tế Cam Ranh	2017-2018	19.78	Sở Y tế	6.00	5.00	11.00	Theo Nghị Quyết 14/NQ-HĐND ngày 06/12/2017
a.4.4	Nhà thi đấu thể thao Liên đoàn lao động thành phố Cam Ranh	2017-2018	8.00	LĐLĐ tỉnh	-	-	-	
a.4.5	Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện Đa khoa khu vực Cam Ranh	2015-2017	1.50	Sở Y tế	-	-	-	
B	CÁC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT BỔ SUNG		2,939.16	-	33.54	16.56	50.09	
B.1	Bộ án Quy hoạch		11.70	-	-	1.61	1.61	
b.1.1	Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trục đường 22/8 (30ha)	2016	1.20	UBTP C.Ranh	-	1.61	1.61	Hoàn thành các thủ tục đấu thầu. Đã bố trí vốn, đang hoàn thiện đồ án trình thẩm định.
b.1.2	Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trục đường Nguyễn Trọng Kỳ (25ha)	2016	1.20	UBTP C.Ranh	-	-	-	Hoàn thành các thủ tục đấu thầu. Đang trình xin bố trí vốn
b.1.3	Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trục đường 3/4 (25ha)	2017	1.20	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.1.4	Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trục đường Quốc lộ 1A(Hùng Vương) (80ha)	2018	1.80	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.1.5	Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trục đường ven biển (30ha)	2020	1.30	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.1.6	Các đồ án quy hoạch chi tiết khác và cắm mốc quy hoạch	2016-2020	5.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
B.2	Hạ tầng kỹ thuật		187.10		13.30	12.50	25.80	
b.2.1	Đường số 2 (Nguyễn Văn Cừ) - tp. Cam Ranh	2017-2020	-	TP Cam Ranh	-	-	-	
b.2.2	Hệ thống thoát nước và các tuyến đường trục thoát nước chính, phường Cam Nghĩa - tp Cam Ranh	2017-2020	-	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.3	Trồng cây xanh đô thị	2016-2020	2.50	UBTP C.Ranh	0.50	0.50	1.00	Đã bố trí vốn thực hiện 2017
b.2.4	Đường phía bắc sân vận động (đường N3A) Cam Nghĩa	2016-2018	7.00	UBTP C.Ranh	3.00	3.00	6.00	Đang tiếp tục thi công
b.2.5	Hạng mục san ủi mặt bằng khu 1A-TĐC Phạm Văn Đồng	2017	1.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.6	Hạng mục san ủi mặt bằng khu 1B-TĐC Phạm Văn Đồng	2017	1.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.7	Đường số 5 trong khu TĐC Phạm Văn Đồng	2017	1.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.8	Đường Lê Đại Hành (đoạn PVD-LD)	2016	1.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.9	Đường Phạm Văn Đồng (đoạn LDH-Trương Chính)	2017	1.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.10	Hạng mục san ủi nền đường Lê Duẩn (đoạn LDH- Trương Chính)	2017	1.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.11	Đường nội bộ KDC Nghĩa Cam	2016-2017	2.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.12	Điện Chiếu sáng đường Lương Văn Can - đường Nghĩa Phú	2016-2017	0.50	UBTP C.Ranh	-	-	-	Hoàn thành đoạn Lương Văn Can (đoạn từ Chợ Cam Nghĩa đến trụ sở TDP Hòa Bình).
b.2.13	Đường Áp bà Hùng (T19- Áp Bà Hùng)	2016-2018	6.80	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.14	Điện Chiếu sáng đường Lê Duẩn (Tổ Hữu - Nguyễn Lương Bằng)	2016-2018	2.60	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.15	Điện Chiếu sáng đường Lê Đại Hành	2016-2017	1.30	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.16	Điện Chiếu sáng khu TĐC Phạm Văn Đồng	2017-2018	2.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.17	Mương thoát lũ đường Lương Văn Can	2017	0.70	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.18	Đường D3 - tổ dân phố Mỹ Ca	2017-2020	56.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.19	Hệ thống thoát nước 3 phường (Cam Phúc Nam, Cam Phúc Bắc, Cam Nghĩa)	2017-2018	5.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.20	Đường Phan Bội Châu (Cam Linh) GĐ1	2018-2020	6.60	UBTP C.Ranh	-	2.00	2.00	Đang trình thẩm định BCKTKT và điều chỉnh tổng mức đầu tư
b.2.21	Đường Phan Bội Châu (Cam Phú) GĐ1	2018-2019	8.00	UBTP C.Ranh	-	2.00	2.00	Đang trình thẩm định BCKTKT và điều chỉnh tổng mức đầu tư
b.2.22	Đường Trần Nhật Duật (Đường HV-biển)	2018-2020	4.00	UBTP C.Ranh	-	2.00	2.00	Đang trình phê duyệt BCKTKT
b.2.23	Đườn g D2 (Từ Trần Nguyễn Hân- Nguyễn Du)	2018-2020	13.00	UBTP C.Ranh	-	2.00	2.00	Tạm dừng thi công do vướng GTMB đoạn hạ lưu công bản
b.2.24	Đường số 3 (đường Phạm Văn Đồng)	2018-2019	2.70	UBTP C.Ranh	-	-	-	Đang chuẩn bị đầu tư
b.2.25	Điện Chiếu sáng đường Nguyễn Bình Khiêm (22/8 đến Trần Nhân Tông)	2019-2020	1.50	UBTP C.Ranh	-	-	-	

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHÂN KÝ VỐN THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
b.2.26	Khu dân cư và tái định cư Hòa Bình 2	2019-2020	14.60	UBTP C.Ranh	-	-	-	Đang lập bản vẽ thiết kế thi công và dự toán.
b.2.27	Khu dân cư gia đình quân nhân Trung đoàn 293	2019-2020	3.00	UBTP C.Ranh	-	1.00	1.00	Đang trình phê duyệt BCKTKT
b.2.28	Điện Chiếu sáng via hệ đường Chế Lan Viên (Tả nương tiêu lộ đến đường Tô Hữu)	2019-2020	3.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.29	Điện Chiếu sáng đường D2 (lê lợi - Trần Nguyễn Hân)	2019-2020	3.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.30	Đường Hoàng văn Thụ (từ đường Nguyễn Việt Xuân đến đường Tô Hữu)	2019-2020	3.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.31	Điện Chiếu sáng via hệ đường Hai Bà Trưng	2019-2020	3.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.32	Đường Trần Nhân Tông (3/4 đến biển)	2020	1.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.33	Đường Lê Đại hành (Hàng Vương- biển)	2020	1.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.34	Đường Nguyễn Lương Bằng (Hàng Vương đến biển)	2020	1.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.35	Đường phía nam sân vận động Cam nhĩa	2020	2.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.36	Đường Tô Hữu	2020	1.00	UBTP C.Ranh	-	-	-	
b.2.37	Hồ chứa nước Tả Lua	2016		BQL GTTL				
b.2.38	Đường Trần Quang Khải	2016	6.50	UBND TP Cam Ranh	-	-	-	Gói thầu xây lắp chính: Đã tham xong bê tông nhựa đoạn từ Bãi Thi Xuân đến nhà ống Bán (600m). Đoạn còn lại chờ GTMB xong sẽ tiếp tục triển khai thi công hoàn thành công trình 100m
b.2.40	Đường Dốc Sạn - Suối Hai (đoạn từ Ấp Bà Hùng đến công Km1+741,73)	2017	5.71	UBND TP Cam Ranh	3.50		3.50	
b.2.41	Lô đất rác cho đảo Bình Ba, xã Cam Cam Bình	2017	4.30	UBND TP Cam Ranh	3.00		3.00	
b.2.42	Sửa chữa, nâng cấp Đập Nghĩa Cam	2017	2.50	UBND TP Cam Ranh	2.20		2.20	
b.2.43	Tuyến đường Cù Lao trực chính nội đồng (ranh giới Cam Thành Nam - Cam Thành Bắc)	2014	2.73	UBND TP Cam Ranh	0.95		0.95	
b.2.44	Đường trục chính nội đồng tuyến số 9 thôn Quảng Phúc	2014	1.56	UBND TP Cam Ranh	0.15		0.15	
B.3	Dự án khu đô thị mới, khu tái định cư và nhà ở		1,485.85	-	2.00	-	2.00	
b.3.1	Khu đô thị mới chất lượng cao Cam Phú (khu 1,64ha); khu đô thị ven biển	2016-2020	9.00	Kêu gọi đầu tư				
b.3.2	Nhà tang lễ	2017-2018	5.00	UBTP C.Ranh				
b.3.3	Nhà hát, rạp chiếu phim, nhà văn hóa mới	2017-2020	35.00	UBTP C.Ranh				
b.3.4	Khu nhà ở Lạc Hòa	2016	19.10	Cty TNHH MTV Phát triển nhà Khánh Hòa				Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật
b.3.5	Khu đô thị ven vịnh Cam Ranh - khu 1, 2, 3 (giai đoạn 1)	2017-2020	600.00	Kêu gọi đầu tư				
b.3.6	Khu đô thị và du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Cam Ranh (giai đoạn 1)	2016-2020	585.00	Công ty TNHH KN Cam Ranh				
B.3.7	Khu dân cư Phú Lộc	2016-2020	200.00	Công ty Cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà Phú Lộc				Đang tiến hành điều chỉnh quy hoạch chi tiết và tiến hành thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
B.3.8	Khu tái định cư Cam Thịnh Đông	2016	12.17	Ban QLDA các CTXD Cam Ranh	2.00	-	2.00	Vướng giải tỏa mặt bằng (Chờ Toán án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất).
B.3.9	Khu tái định cư Cam Nghĩa	2016	5.58	Ban QLDA các CTXD Cam Ranh	-	-	-	Đã thi công 90% , đang vướng giải tỏa mặt bằng.
b.3.10	Khu dân cư tái định cư Hòa Bình 2 - phường Cam Nghĩa	2016	15.00	Ban QLDA các CTXD Cam Ranh	-	-	-	Đang lập bản vẽ thiết kế thi công và dự toán.
B.4	Hệ tầng xã hội - công trình khác		1,254.50	-	18.24	2.45	20.69	
b.4.1	Trung tâm nghệ thuật lớn Khánh Hòa	2017-2020	1,150.00	Sở NN				Đang tiến hành kiểm kê
b.4.2	Xây dựng Trạm xử lý nước thải sinh hoạt 2, công suất 15.000 m3/ngđ, quy mô 3ha.	2017-2019	60.00	UBTP C.Ranh				
b.4.3	HTCN hai thôn Tân Lập và Văn Thủy II, xã Cam Phước Tây	2016-2017	6.93	Cty đô thị CR	1.24		1.24	
b.4.4	HTCN sinh hoạt cho ĐBDTTS xã Cam Thịnh Tây	2016-2018	11.80	UBTP C.Ranh	3.50	2.45	5.95	
b.4.5	Tàu tuần tra khu vực Vịnh Cam Ranh	2014-2015	20.78	BĐBP	10.00		10.00	
b.4.6	Hội trường kết hợp phòng làm việc Công an TP Cam Ranh	2017-2018	5.00	UBTP C.Ranh	3.50		3.50	

**PHỤ LỤC 1.3: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN
ĐỊNH HƯỚNG CHO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN BỐ THỊ TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2018 CỦA THỊ XÃ NINH HÒA**

(Đơn vị tiền tệ: tỷ đồng)

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHÂN KỶ VỐN THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
	TỔNG CỘNG		3,617.98	-	172.65	1,478.65	1,552.31	
A	CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 2016 - 2020		84.91		37.20	35.50	72.70	
A.1	Đồ Án Quy Hoạch Xây Dựng							
A.2	Hạ tầng kỹ thuật		50.00		22.00	28.00	50.00	
a.2.1	Đường Bắc Nam, thị xã Ninh Hòa (giai đoạn 2)	2017-2020	50.00	Thị xã NH	22.00	28.00	50.00	Đang thực hiện
A.3	Dự án khu đô thị mới, khu tái định cư và nhà ở							
A.4	Hạ tầng xã hội - công trình khác		34.91		15.20	7.50	22.70	
a.4.1	Xây dựng Trạm y tế Ninh Thủy và 04 phân trạm y tế	2017-2018	15.92	Sở Y tế	7.20	2.00	9.20	Đang thực hiện
a.4.2	Đền thờ liệt sĩ tại nghĩa trang liệt sĩ Ninh Hòa - Vạn Ninh	2017	5.00	Sở LĐ	5.00		5.00	Đã hoàn thành
a.4.3	Trung tâm bảo trợ xã hội và công tác xã hội thị xã Ninh Hòa (giai đoạn 2)	2017-2018	9.00	Sở LĐ	3.00	5.50	8.50	
a.4.4	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và trang thiết bị Trung tâm bảo trợ xã hội và công tác xã hội thị xã Ninh Hòa	2016-2017	5.00	Sở LĐ	1.20	5.50	6.70	
B	CÁC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT BỔ SUNG		3,533.07		135.45	1,443.15	1,479.61	
B.1	Đồ Án Quy Hoạch Xây Dựng		7.67		1.20	5.07	6.27	
b.1.1	Lập quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị khu vực nội thị thị xã Ninh Hòa	2017-2018	0.20	Thị xã NH				Đang trình UBND tỉnh phê duyệt
b.1.2	QHCT tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm phường Ninh Thủy	2017-2018	1.80	Thị xã NH	0.60	0.60	1.20	Đang thực hiện
b.1.3	QHCT tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm phường Ninh Hải	2017-2018	1.80	Thị xã NH	0.60	0.60	1.20	Đang thực hiện
b.1.4	Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Cơ sở sản xuất công nghiệp Đốc Đa Trắng.	2018	2.67	Ban Văn Phong		2.67	2.67	
b.1.5	Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu vực Du lịch tập trung Đông Nam Ninh Phước.	2018	1.20	Ban Văn Phong		1.20	1.20	
B.2	Hạ tầng kỹ thuật		3,318.41		82.82	1,417.84	1,401.67	
b.2.5	Đê Ninh Hà	2017 - 2018	80.00	Sở NN	5.00	4.00	9.00	Đang thực hiện
b.2.7	Nâng cấp tỉnh lộ 1A - ĐT 652B (đoạn từ vòng QL1 đến vòng xoay Ninh Diêm).	2018	420.00	Ban Văn Phong		420.00	420.00	
b.2.8	Nâng cấp tỉnh lộ 1B - ĐT 652D (đoạn nối từ vòng xoay đường STX QL1 đến giáp Khu công nghiệp Ninh Thủy).	2018	470.00	Ban Văn Phong		470.00	470.00	
b.2.9	Đường Minh Mạng thị xã Ninh Hòa	2018-2020	40.00	Ban QLDA				Dự kiến 2018 - 2020
b.2.10	Đường Võ Văn Kỵ	2018	5.00	Ban QLDA		5.00	5.00	Dự kiến 2018
b.2.11	Đường vào khu công viên thiếu nhi	2018	5.00	Ban QLDA		5.00	5.00	Dự kiến 2018
b.2.12	Nâng cấp và cải tạo đường Võ Tấn	2018	4.92	Ninh Hiệp	4.92		4.92	Dự kiến 2018
b.2.13	Rà phá bom mìn, vật liệu nổ và trích đo địa chính Cơ sở sản xuất công nghiệp Đốc Đa Trắng.	2018	18.00	Ban Văn Phong		18.00	18.00	
b.2.14	Đê kè chống xói lở hai bờ sông Dinh	2011-2017	161.21	UBND NH	20.00	5.00		
b.2.15	Cải tuyến Tỉnh lộ 1B-đoạn từ Hyundai Vinashin đến Ninh Tinh, thị xã Ninh Hòa	2014-2018	446.64	BQL VP	30.00	10.00		
b.2.16	Đường vào kho xăng dầu ngoại quan Văn Phong	2015-2018	239.26	BQL VP	10.00	10.00		
b.2.17	Đường giao thông từ Tỉnh lộ 1A đến khu TĐC Xóm Quán	2017-2018	21.56	BQL VP	9.00	3.00		
b.2.18	Cánh đồng lớn sản xuất Mía đường tại vùng nguyên liệu Mía thị xã Ninh Hòa	2017-2019	7.08	Cty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	2.00			không bố trí vốn năm 2018 do giải ngân dưới 30% KH vốn 2017
b.2.19	Hệ thống điện chiếu sáng từ ngã 2- Quốc lộ 1A, đến cầu Treo, phường Ninh Diêm	2017	4.74	Thị xã NH	1.90	2.84	4.74	
b.2.20	Khu CN Ninh Thủy; quy mô 207,9ha	2016-2018	260.00			86.67	86.67	
b.2.21	Khu du lịch Eden resort, quy mô 101ha	2016-2018	700.00			233.33	233.33	
b.2.22	Khu du lịch sinh thái Tây Bắc, Hòn Lớn, Văn Phong	2016-2018	435.00			145.00	145.00	
B.3	Dự án khu đô thị mới, khu tái định cư và nhà ở		85.61		8.00	13.54	21.54	
b.3.1	Khu tái định cư Ninh Thọ	2017-2018	20.31	UBND NH	8.00	13.54	21.54	
b.3.2	Khu dân cư phía Nam đường K10 (lô N101-N102-N103)	2016	34.58	Kêu gọi đầu tư				
b.3.3	Khu dân cư phía Bắc đường K10 (lô N95)	2016	7.00	Kêu gọi đầu tư				
b.3.4	Khu dân cư phía Bắc đường K10 (lô N27-N28)	2016	23.72	Kêu gọi đầu tư				
B.4	Hạ tầng xã hội - công trình khác		121.38		43.43	6.70	50.13	
b.4.1	Nhà làm việc Thị ủy	2017	4.00	Thị xã NH	4.00		4.00	Đã hoàn thành
b.4.2	Kho lưu trữ và cơ quan làm việc thị xã	2017	5.00	Thị xã NH	3.00		3.00	Đã hoàn thành
b.4.4	Tụ sở UBND phường Ninh Giang	2017	5.00	Thị xã NH	5.00		5.00	Đã hoàn thành
b.4.6	XD 8 phòng học Trường THPT Nguyễn Trãi	2017-2018	6.95	Sở GD	2.50	3.70	6.20	
b.4.7	Trường THPT khu vực phía Bắc thị xã Ninh Hòa (giai đoạn 1)	2017-2019	44.83	Sở GD	15.70	3.00	18.70	
b.4.9	Sửa chữa, nâng cấp HTCN sinh hoạt xã Ninh Tây	2016-2017	8.34	Cty đô thị NH	1.73		1.73	
b.4.10	Nâng cấp HTCN sinh hoạt các xã Ninh Phú - Ninh Ích - Ninh Xuân - Ninh Lộc - Ninh Bình	2017-2018	7.00	Cty CP ĐT Ninh Hòa	2.50		2.50	

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHÂN KÝ VỐN THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
b.4.11	Đồn Biên phòng 364	2015-2017	40.27	BĐBP	9.00		9.00	
b.4.12	Khu vực di tích tàu không số C253	2018-2020						

PHỤ LỤC 1.4: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN
ĐỊNH HƯỚNG CHO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2018 CỦA HUYỆN DIỄN KHÁNH

(Đơn vị tiền tệ: tỷ đồng)

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHÂN KỶ VỐN THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
	Tổng cộng		2,999.63	-	220.17	584.32	804.49	
A	CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 2016 - 2020		422.00		64.10	99.60	163.70	
A.1	Đồ án quy hoạch							
A.2	Hạ tầng kỹ thuật		342.00		30.10	91.70	121.80	
a.2.1	Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện Đa khoa Diễn Khánh		2.00		1.00	1.70	2.70	Theo Nghị Quyết 14/NQ-HĐND ngày 06/12/2017
a.2.2	Hạ tầng Bến xe liên tỉnh phía Nam, quy mô 3,6ha	2016-2017	15.00	BQL TP	5.00		5.00	
a.2.3	Kè chống sạt lở bờ Bắc thị trấn Diễn Khánh	2014-2018	145.00	UBND DK	11.00	70.00	81.00	
a.2.4	Kè và tuyến đường số 1 sông Cái và sông Suối Dầu	2013-2020	100.00	UBND DK	10.00	10.00	20.00	
a.2.5	Đường D6 (từ Tỉnh lộ 2 - Quốc lộ 27C).	2017	80.00	Ban QLDA huyện	3.10	10.00	13.10	
A.3	Khu đô thị mới và khu tái định cư							
A.4	Hạ tầng xã hội và công trình khác		80.00		34.00	7.90	41.90	
a.4.1	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Diễn Khánh (cũ) thành bệnh viện Nhiệt đới	2016 -2020	80.00	Sở YT	34.00	7.90	41.90	
B	CÁC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT BỔ SUNG		2,577.63		156.07	484.72	640.79	
B.1	Đồ án quy hoạch		5.00			5.00	5.00	
b.1.1	Quy hoạch khu phía Bắc TTDK	2017	3.00	phòng QLĐT		3.00	3.00	
b.1.2	Quy hoạch phân khu Khu trung tâm xã Suối Hiệp	2017	2.00	phòng QLĐT		2.00	2.00	
B.2	Hạ tầng kỹ thuật		1,006.34		66.20	308.80	375.00	
b.2.1	Đường Trần Quang Khải	2017	9.00	Ban QLDA			-	
b.2.2	Đường Trần Bình Trọng	2017	11.00	Ban QLDA			-	
b.2.3	Đường liên xã Diễn Thạnh - Diễn Toàn	2017	30.00	Ban QLDA			-	
b.2.4	Hệ thống điện chiếu sáng dọc TL 2	2017	17.00		12.00	5.00	17.00	
b.2.5	Dự án Kè và đường số 01 dọc Sông Cái		152.00	UBND huyện	27.00	29.00	56.00	
b.2.6	Nâng cấp Hương lộ 5	2017	10.00	phòng QLĐT	6.20	3.80	10.00	
b.2.7	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Diễn An (45ha)		405.00	Kêu gọi ĐT			-	
b.2.8	Đường Nguyễn Trãi nối dài giáp tuyến tránh QL1A. Quy mô 0,8km; mặt cắt 20m	2018-2020	40.00	UBND DK		0.30	0.30	
b.2.9	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến đường mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua huyện Diễn Khánh	2018	14.00	UBND DK		4.00	4.00	
b.2.10	Đường Huỳnh Thúc Kháng	2018	20.00	UBND huyện		20.00	20.00	
b.2.11	Đường từ TL 2 cầu Thanh hội đến QL 27C	2018	120.00	UBND huyện		120.00	120.00	
b.2.12	Đường Bà Đề - Diễn An	2018	90.00	UBND huyện		90.00	90.00	
b.2.13	Khu xử lý CTR mới tại khu vực thung lũng giáp ranh giữa xã Diễn Lâm và Diễn Sơn, DT 40 ha	2018-2020	40.00	Phòng Kinh tế		20.00	20.00	
b.2.17	Sửa chữa hồ chứa nước Đồng Mộc	2016-2017	14.50	Huyện DK	11.00		11.00	
b.2.19	Hệ thống cấp nước Diễn Lạc - Diễn Bình - Diễn Hòa	2016-2018	33.84	TT Nước sạch và VSMT NT	10.00	16.70	26.70	
B.3	Dự án khu đô thị mới, khu tái định cư và nhà ở		1,170.12		11.50	49.00	60.50	
b.3.1	Khu dân cư và tái định cư Phú An Nam 2	2016-2018	118.00	Ban QLDA	11.50	49.00	60.50	
b.3.2	Khu đô thị hành chính dọc đường Cầu Lùng - Khánh Lễ		1,052.12	Ban QLDA				
B.4	Hạ tầng xã hội - công trình khác		396.18		78.37	121.92	200.29	
b.4.1	Trường THCS Trần Quang Khải	2017	3.00	phòng GDĐT	2.00		2.00	Ngân sách Huyện
b.4.2	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	2017	4.00	phòng GDĐT	4.00		4.00	Ngân sách Huyện
b.4.3	Trường THCS Diễn Phú	2016-2018	34.00	phòng GDĐT	15.00	5.00	20.00	Ngân sách Huyện
b.4.4	Trường MN thị trấn DK	2018-2019	13.00	phòng GDĐT		7.00	7.00	Ngân sách Huyện
b.4.5	Dự án Trùng tu, tôn tạo Thành cổ Diễn Khánh	2018-2020	71.00	Sở Văn hóa và Thể thao		45.00	45.00	
b.4.6	Chợ đầu mối huyện Diễn Khánh	2018	15.00	UBND DK		15.00	15.00	Ngân sách Huyện
b.4.7	Trường THCS Trần Nhân Tông	2018	4.00	UBND DK		4.00	4.00	Ngân sách Huyện
b.4.8	Trường MN Diễn Thạnh	2018	9.00	Phòng GDĐT		9.00	9.00	Ngân sách Huyện
b.4.9	Trường TH Diễn Thạnh	2018-2019	6.00	Phòng GDĐT		3.00	3.00	
b.4.12	Trường THPT Nam Diễn Khánh huyện Diễn Khánh (GĐ1)	2017-2019	39.81	Sở Giáo dục	14.00	3.00	17.00	
b.4.13	HTCN sinh hoạt xã Suối Tiên	2016-2017	8.39	Huyện DK	4.08		4.08	
b.4.14	Đài tưởng niệm liệt sỹ cầu Thành, Diễn Khánh	2012-2018	15.90	Huyện DK	3.50	4.00	7.50	
b.4.15	Kho chứa đạn và vật liệu nổ BCHQS tỉnh	2015-2018	41.11	BCHQST	10.00	11.00	21.00	
b.4.16	Trường bán, thao trường huấn luyện của BCHQS huyện Diễn Khánh	2017-2018	14.01	BCHQST	8.00	4.60	12.60	
b.4.18	Trung tâm Bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí tỉnh Khánh Hòa.	2016-2019	100.00	Sở LĐ	15.00	5.32	20.32	

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHÂN KỶ VỐN THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
b.4.19	HTCN Diên Xuân - Diên Lâm	2017-2019	16.71	TT Nước sạch và VSMT NT	2.00	6.00	8.00	
b.4.20	HTCN sinh hoạt khu dân cư Phú Khánh Hạ và Phú Khánh Thượng, xã Diên Thanh	2017	1.25	Huyện DK	0.79		0.79	

**PHỤ LỤC 1.5: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN
ĐỊNH HƯỚNG CHO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2018 CỦA HUYỆN CAM LÂM**
(Đơn vị tiền tệ: tỷ đồng)

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHÂN KỶ VỐN THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
	TỔNG CỘNG		11,719.36		614.80	5,277.30	5,892.10	
A	CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 2016 - 2020		123.31		23.00	18.00	41.00	
A.1	Đồ án Quy hoạch							
A.2	Hạ tầng kỹ thuật		119.81		23.00	14.50	37.50	
a.2.1	Kê bảo vệ sông Trường (đoạn từ cửa biển đến QL 1A)	2015-2019	105.81	Sở NN	23.00	10.00	33.00	
a.2.2	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến đường mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua huyện Cam Lâm (phần 01 bên đường còn lại đối với các đoạn qua đô thị, qua khu dân cư đông đúc)	2017-2019	14.00	Sở NN	-	4.50	4.50	
a.2.3	Đường Hàm Nghi, huyện Cam Lâm (giai đoạn 3)	2016-2017		Huyện CL	-	-	-	
A.3	Dự án khu đô thị mới, khu tái định cư và nhà ở							
A.4	Hạ tầng xã hội - công trình khác		3.50		-	3.50	3.50	
a.4.1	Trụ sở làm việc của Đội quản lý thị trường số 6, huyện Cam Lâm	2017	3.50	Chi cục QLTT		3.50	3.50	
B	CÁC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT BỔ SUNG		11,596.05		591.80	5,259.30	5,851.10	
B.1	Đồ án Quy hoạch		0.18	-	-	0.18	0.18	-
b.1.1	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu công nghiệp Suối Dầu.	2018	0.18	Ban Văn Phong	-	0.18	0.18	
b.1.2	Điều chỉnh quy hoạch khu 3- KDL Bắc bán đảo cam Ranh			BQL KDL Bán đảo Cam Ranh	-			
b.1.3	Điều chỉnh quy hoạch khu 6- KDL Bắc bán đảo cam Ranh			BQL KDL Bán đảo Cam Ranh	-			
b.1.4	Điều chỉnh quy hoạch khu 7- KDL Bắc bán đảo cam Ranh			BQL KDL Bán đảo Cam Ranh	-			
B.2	Hạ tầng kỹ thuật		9,762.70	-	565.90	4,663.05	5,228.95	
b.2.1	Đường Trần Hưng Đạo	2017-2020	-	Huyện CL				
b.2.2	Đường Lê Duẩn	2017-2018	-	Huyện CL				
b.2.3	Đường Ngô Gia Tự	2017-2018	-	Huyện CL				
b.2.4	Đường số 1 (ven đầm thùy triều) trung tâm thị trấn Cam Đức	2017-2018		Huyện CL				
b.2.5	Hồ chứa nước Tà Lua	2017-2018		BQLDA ĐTXD CÁC CT CÔNG NGHIỆP & PTNT	121.01		121.01	
b.2.6	Đường Lưu Hữu Phước	2018-2020	5.00	Huyện CL		3.50	3.50	
b.2.7	Đường Đào Duy Anh	2018-2020	4.80	Huyện CL		3.30	3.30	
b.2.8	Đường Hoàng Văn Thụ nối dài	2018-2020	3.10	Huyện CL		2.20	2.20	
b.2.9	Hệ thống tuyến đường nhánh Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh (giai đoạn 2)	2015-2018	216.36	Liên danh Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh và Công ty cổ phần Bê tông 620 Long An		121.98	121.98	
b.2.10	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh	2015-2019	473.73	Công ty TNHH xử lý nước thải Bãi Dài		272.86	272.86	
b.2.11	Tuyến đường phía Tây bán đảo Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh	2018-2021	513.66	Liên danh Công ty cổ phần phát triển bất động sản Phát Đạt - Công ty cổ phần Bê tông 620 Long An - Công ty TNHH Xây dựng Văn Phấn.		128.42	128.42	
b.2.12	Đường Lê Hồng Phong	2018-2019	90.00	Huyện CL		90.00	90.00	
b.2.13	Đường Ngô Gia Tự	2018-2019		Huyện CL				
b.2.14	BTGT Hồ chứa nước Tà Rục	2008-2017	364.00	Huyện CL	28.00		28.00	
b.2.15	Đường vận chuyển nông sản liên vùng xã Cam Hòa, Cam Hiệp Bắc (đoạn từ Km0+000 đến Km3+731)	2017-2018	20.00	Huyện CL	5.00	3.00	8.00	
b.2.16	Đường dân sinh dọc nhà máy nước Suối Dầu	2017	0.97	Huyện CL	0.61		0.61	
b.2.17	Đường Trương Vĩnh Ký	2016-2017	5.32	Huyện CL	5.32		5.32	
b.2.18	Hệ thống thoát nước mưa (giai đoạn 2) tại khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh	Năm 2015-2018	131.66	Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh	110.70	20.96	131.66	

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHÂN KÝ VON THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
b.2.19	Hệ thống tuyến đường nhánh Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh (giai đoạn 2)	Năm 2015-2018	216.36	Liên danh Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh và Công ty cổ phần Bê tông 620 Long An	94.39	121.98	216.36	
b.2.20	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh	Năm 2015-2019	473.73	Công ty TNHH xử lý nước thải Bãi Dài	200.87	272.86	473.73	
b.2.21	Cầu Cam Hải	2017-2018	360.00	BQL CT Trọng điểm		180.00	180.00	
b.2.22	KTMDV&DLST Lạc Hồng, quy mô 12,5ha	2017-2018	290.00	Cty TNHH Lạc Hồng		145.00	145.00	
b.2.23	KDL Tropicara resort	2017-2018	336.00	Cty TNHH KT-TM Bách Việt		168.00	168.00	
b.2.24	KND Bãi Dài	2017-2018	299.00	Cty TNHH KND Bãi Dài		149.50	149.50	
b.2.25	KDLND cao cấp Duyên Hà	2017-2018	750.00	Cty TNHH Duyên Hà		375.00	375.00	
b.2.26	KDL Đỉnh Vàng - Cam Ranh	2017-2018	464.00	Cty TNHH Đỉnh Vàng Nha Trang		232.00	232.00	
b.2.27	Khu DL Cam Ranh Bayana resort	2017-2018	126.00	Cty TNHH Cam Ranh Bayana		63.00	63.00	
b.2.28	KDL Manna	2017-2018	240.00	Cty TNHH Bờ Biển Vàng		120.00	120.00	
b.2.29	Khu DL cao cấp Phát Đạt resort	2017-2018	812.00	Cty PT BĐS Phát Đạt		406.00	406.00	
b.2.30	Khu nghỉ mát cảnh biển - Cam Ranh	2017-2018	325.00	Cty CPĐT Sao Phương Nam		162.50	162.50	
b.2.31	Sân Golf và biệt thự sinh thái Cam Ranh	2017-2018	757.00	Cty CPĐT Dầu khí Nha Trang		378.50	378.50	
b.2.32	CLB du thuyền và khu nghỉ dưỡng Cam Ranh	2017-2018	661.00	Cty CPĐT & FTCN Mefrimet		330.50	330.50	
b.2.33	KDLND Trần Thái - Cam Ranh	2017-2018	535.00	Cty CP Trần Thái Cam Ranh		267.50	267.50	
b.2.34	KDL Hyatt regency Cam Ranh Bay Resort & Spa	2017-2018	277.00	Cty CP Kiến Á		138.50	138.50	
b.2.35	Khu DL Nha Trang seahorse resort & spa	2017-2018	336.00	Cty CP Hồng ngọc Việt		168.00	168.00	
b.2.36	KDL sinh thái và nghỉ dưỡng cao cấp Eurowindow Nha Trang	2017-2018	676.00	Cty CP Đầu tư du lịch Eurowindow Nha Trang		338.00	338.00	
B.3	Dự án khu đô thị mới, khu tái định cư và nhà ở		1,732.28	-	-	574.14	574.14	
b.3.1	Khu du lịch đầm Thủy Triều của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Nha Trang lô D28 và D29 Khu 5.		580.00	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Vĩnh Cam Ranh				
b.3.2	Các khu ở KV1,KV2,KV3,KV4 thuộc khu 5 - KDL Bắc bán đảo cam Ranh			Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh				
b.3.3	Khu nhà ở gia đình cán bộ sỹ quan Vùng 4 – Hải quân – (lô T9a); giai đoạn 1	2017-2018	214.00	Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Bộ Quốc phòng		107.00	107.00	
b.3.4	Khu đô thị sinh thái VCN - Cam Ranh	2017-2018	201.30	Công ty CP VCN		100.65	100.65	
b.3.5	Khu biệt thự biển Bãi Dài (giai đoạn 1)	2017-2018	303.00	Công ty TNHH Mỹ Mỹ Resort		151.50	151.50	
b.3.6	Khu dân cư và tái định cư N3	2017-2018	80.00	Ban quản lý KDL Bán đảo Cam Ranh		40.00	40.00	
b.3.7	Khu dân cư và tái định cư N4	2017-2018	341.98	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh (TP Hồ Chí Minh).		170.99	170.99	
b.3.8	Khu đô thị Hưng Thịnh - Golden Bay (78,724ha)	2017-2019	12.00	C.ty CP Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh		4.00	4.00	
B.4	Hạ tầng xã hội - công trình khác		100.89	-	25.90	21.93	47.83	
b.4.1	Công viên cây xanh phòng hộ và đường dạo ven biển	2018-2020	50.00	BQL BBĐCR		18.00	18.00	
b.4.2	Nhà làm việc và Trạm quan sát phòng hộ cứu hộ	2017	3.00	BQL BBĐCR	3.00		3.00	

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHÂN KỶ VỐN THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
b.4.3	Trường mẫu giáo Vàng Anh	2017	12.90	Huyện CL	12.90		12.90	
b.4.4	PKĐKKV Cam An Nam	2015-2017	23.99	Sở NN	7.00		7.00	
b.4.5	HTCN sinh hoạt thôn Suối Lau 1,2,3 xã Suối Cát	2017-2018	11.00	Sở Y tế	3.00	3.93	6.93	

**PHỤ LỤC 1.6: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN
ĐỊNH HƯỚNG CHO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2018 CỦA HUYỆN VẠN NINH**

(Đơn vị tiền tệ: tỷ đồng)

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHÂN KỶ VỐN THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
	TỔNG CỘNG		3,251.93		602.60	1,328.64	1,901.77	
A	CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 2016 - 2020		272.47		42.00	22.50	64.50	
A.1	Đề án quy hoạch		-		-	-	-	
A.2	Hạ tầng kỹ thuật		272.47		42.00	22.50	64.50	
a.2.1	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến đường mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua huyện Vạn Ninh (phần 01 bên đường còn lại đối với các đoạn qua đô thị, qua khu dân cư đông đúc)	2017-2019	7.50	UBND VN	-	3.00	3.00	Đang triển khai thực hiện
a.2.2	Kè bờ biển thị trấn Vạn Giã (giai đoạn 1)	2016-2020	100.00	UBND VN	18.00	9.50	27.50	Theo Nghị Quyết 14/NQ-HĐND ngày 06/12/2017
a.2.3	Đường Lê Lợi (phía Tây)	2018-2020	18.00	Huyện VN	-	-	-	
a.2.4	Kè, đường từ đường Sắt đến cầu huyện	2018-2020	12.00	Huyện VN	-	-	-	
a.2.5	Kè Đại lãnh	2015-2019	134.97	Sở NN	24.00	10.00	34.00	Theo Nghị Quyết 14/NQ-HĐND ngày 06/12/2017
A.3	Dự án khu đô thị mới, khu tái định cư và nhà ở		-		-	-	-	
A.4	Hạ tầng xã hội - công trình khác		-		-	-	-	
B	CÁC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT BỔ SUNG		2,979.47		560.60	1,306.14	1,837.27	
B.1	Đề án quy hoạch		76.14		1.49	61.65	63.14	
b.1.1	Quy hoạch tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Vạn Thọ	2017	0.50	Phòng Quản lý đô thị	0.50		0.50	Đã hoàn thành
b.1.2	Quy hoạch tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Vạn Phú	2017	0.50	Phòng Quản lý đô thị	0.50		0.50	Đã hoàn thành
b.1.3	Quy hoạch tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Xuân Sơn	2017	0.50	Phòng Quản lý đô thị	0.50		0.50	Đã hoàn thành
b.1.4	QH chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (05 phường)	2018-2020	15.00	UBND Huyện V.Ninh		3.00	3.00	
b.1.5	Quy hoạch tổng thể Hành chính, kinh tế, xã hội đơn vị đặc biệt Bắc Vân Phong	2018	14.85	Ban Vân Phong		14.85	14.85	
b.1.6	Quy hoạch chung xây dựng đơn vị đặc biệt Bắc Vân Phong	2018	43.80	Ban Vân Phong		43.80	43.80	
b.1.7	Đề án thành lập thị xã Vạn Ninh	2016-2017	1.00	UBND Huyện V.Ninh	0.50		0.50	Chưa thực hiện
B.2	Hạ tầng kỹ thuật		2,253.14		77.24	1,176.83	1,254.08	
b.2.1	Cải tạo bốn Hoa dãi phần cách hai đoạn đường dẫn cầu Vượt huyện Vạn Ninh	2017	0.13	Ban Quản lý dự án	0.13		0.13	Đã hoàn thành
b.2.2	Đường Lạc Long Quân (Lê Đại Hành - Hải Thượng Lãn Ông)	2017	2.88	UBND thị trấn Vạn Giã	2.88		2.88	Ngân sách huyện 1,143 + ngân sách xã - Đã hoàn thành
b.2.3	San lấp mặt bằng, san lấp khu thể thao xã Vạn Phú	2017	1.35	UBND xã Vạn Phú	1.35		1.35	Ngân sách huyện 1,200+ ngân sách xã - Đã hoàn thành
b.2.4	Cấp nước đường số 5, 6 khu dân cư Tân Đức Đông và đường quy hoạch 10m khu dân cư sau Đài Liệt sĩ	2017	0.35	Ban Quản lý dự án	0.35		0.35	Đã hoàn thành (TMĐT 0,337)
b.2.5	Đường BTXM thôn Phú Hội 1	2017	0.70	UBND xã Vạn Thắng	0.63		0.63	Đã hoàn thành
b.2.6	Đường Bình trung 1 - Bình Lộc 2 (giai đoạn 2)	2017	1.18	UBND xã Vạn Bình	1.06		1.06	Đã hoàn thành
b.2.7	Đường BTXM thôn Ninh Đào	2017	1.20	UBND xã Vạn Thanh	1.08		1.08	Đã hoàn thành
b.2.8	Hoa viên TDP số 8	2017	1.16	UBND thị trấn Vạn Giã	1.05		1.05	Đã hoàn thành
b.2.9	Đường Lý trưởng Kiệt nổi dài	2017	0.95	UBND thị trấn Vạn Giã	0.81		0.81	Đã hoàn thành
b.2.10	Đường từ Lâm trường Xuân Vinh đến Phòng học mẫu giáo Xuân Tây	2017	0.97	UBND xã Vạn Hưng	0.87		0.87	Đã hoàn thành
b.2.11	Đường bê tông khu vực nước nóng đến nhà ông Đặng trung phú	2017	1.07	UBND xã Vạn Thọ	0.96		0.96	Đã hoàn thành
b.2.12	Đào giữ nút giao thông ngã ba Trần Hưng Đạo - đường dẫn Cầu Hiền Lương 2	2017	0.31	Phòng QLĐT huyện	0.28		0.28	Đã hoàn thành (QT 0,265)
b.2.13	Đường từ nhà ông Đào Cọt đến nhà ông Lê Văn Lâm	2017	0.90	UBND xã Vạn Thọ	0.81		0.81	Đã hoàn thành
b.2.16	Đền xe Vạn Ninh	2018	50.00	UBND Huyện V.Ninh		50.00	50.00	Kêu gọi đầu tư
b.2.17	Đường Vạn Giã- Tuấn Lễ (Nguyễn Huệ) - 20 km	2018	850.00	Ban Vân Phong		850.00	850.00	
b.2.18	Đường giao thông Sơn Đùng - Khải Lương	2018	140.00	Ban Vân Phong		140.00	140.00	
b.2.19	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn Bắc Vân Phong quy mô 30ha	2018	60.00	Ban Vân Phong		60.00	60.00	
b.2.20	Đầu tư xây dựng mới đường giao thông từ đường STX đến Khu tái định cư Xóm Quán	2018	30.00	Ban Vân Phong		30.00	30.00	
b.2.21	Đường từ nhà ông Lê Văn Hiền đến nhà ông Bùi Duy Cảnh	2018	1.29	UBND xã Vạn Hưng		1.29	1.29	Vốn huyện

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHÂN KỶ VỐN THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
b.2.22	Đường thôn Bình Trung 2	2018	1.03	UBND xã Vạn Bình		1.03	1.03	Vốn tỉnh 0,719 huyện 0,308
b.2.23	Đường Từ Chánh - Trung Đông 3	2018	1.07	UBND xã Vạn Bình		1.07	1.07	Vốn tỉnh 0,748 huyện 0,320
b.2.24	Đường Liên thôn cơ sở Bình Lộc 2	2018	1.22	UBND xã Vạn Bình		1.22	1.22	Vốn tỉnh 0,853 huyện 0,365
b.2.25	Đường BTXM từ nhà ông Trần Ngọc Viễn đến nhà ông Nguyễn Thanh Nam	2018	0.72	UBND xã Vạn Thọ		0.72	0.72	Vốn tỉnh 0,715 huyện 0,306
b.2.26	Nâng cấp đường liên xã Vạn Lương - Xuân Sơn	2018	2.70	UBND xã Vạn Lương		2.70	2.70	Vốn tỉnh 1,890 huyện 0,810
b.2.27	Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Đầu đến Biển	2018	0.55	UBND xã Vạn Hưng		0.55	0.55	Vốn tỉnh 0,387 huyện 0,166
b.2.28	Đường từ nhà ông Trần Văn Sĩ đến đình Xuân Tự	2018	0.50	UBND xã Vạn Hưng		0.50	0.50	Vốn tỉnh 0,350 huyện 0,150
b.2.29	Đường từ nhà ông Nguyễn Ngọc Thủ đến nhà ông Nguyễn Văn Hữu	2018	0.44	UBND xã Vạn Hưng		0.44	0.44	Vốn tỉnh 0,306 huyện 0,131
b.2.30	Đường thôn Phú Cang 2 Nam (đoạn từ nhà ông Hồ Ngọc Nam đến nhà ông Võ Thành)	2018	1.20	UBND xã Vạn Phú		1.20	1.20	Vốn tỉnh 0,840 huyện 0,360
b.2.31	Đường Hôn Chừa đến nghĩa trang thôn Ninh Tân xã Vạn Thạnh	2018	1.12	UBND xã Vạn Thạnh		1.12	1.12	
b.2.33	Kê bờ biển thị trấn Vạn Giã (giai đoạn 1)	2016-2020	100.00	UBND VN		5.00	5.00	KBNN mới xác nhận đến ngày 30/9 giải ngân 32,2%KH; báo cáo Bộ KHĐT xem xét, bổ sung
b.2.34	Đường giao thông từ QL1A đến Đầm Môn	2016-2022	998.17	BQL VP	65.00	30.00	95.00	
b.2.35	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Lê Lợi đến Ngô Quyền) và đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Trần Hưng Đạo)	2017-2018	12.10	UBND Huyện V.Ninh	6.00	6.10	12.10	
b.2.36	Đầu tư hoàn chỉnh vỉa hè, cây xanh đoạn qua đô thị và khu dân cư đông đúc trên tuyến QL1A qua huyện Vạn Ninh	2016-2020	40.00	UBND Huyện V.Ninh	8.00	8.00	16.00	Chưa thực hiện
b.2.37	Kê Đại Lãnh	2015-2019		Sở NN&PTNT	25.00	10.00	35.00	
B.3	Dự án khu đô thị mới, khu tái định cư và nhà ở		429.00		403.90	7.00	410.90	
b.3.1	Nâng nền và xây dựng cơ sở hạ tầng Khu dân cư Ruộng Lù Vạn Thắng (13.378m ²)	2016-2017	6.00	UBND Huyện V.Ninh	4.00		4.00	Đã hoàn thành
b.3.2	Nâng nền và xây dựng cơ sở hạ tầng Khu dân cư Ruộng Bà Mãnh, Vạn Thắng (42.000m ²)	2017-2020	30.00	UBND Huyện V.Ninh	6.90	7.00	13.90	
b.3.3	CSHT Khu tái định cư Xóm Quán	2017	393.00	Ban Văn Phong	393.00		393.00	Đang thực hiện
B.4	Hạ tầng xã hội - công trình khác		221.20		77.97	60.65	109.15	
b.4.1	Trường mẫu giáo Vạn Hưng (xây mới bếp ăn một chiều, phòng y tế, phòng nhân viên, nhà xe GV-HS, sân bê tông, công tường rào (điểm Xuân Hà); xây mới 02 phòng (thôn Xuân Đông)	2017	2.85	BQLDA huyện	2.61		2.61	Dự kiến hoàn thành trong năm 2017
b.4.2	Trường mầm non Vạn Lương	2017	0.70	Phòng GD&ĐT huyện	0.63		0.63	0
b.4.3	Trường mầm non Vạn Phước (hạng mục xây mới tường rào và nâng mặt bằng)	2017	0.66	Phòng GD&ĐT huyện	0.66		0.66	Đang triển khai
b.4.4	Trường Mầm non Xuân Sơn	2017	0.70	Phòng GD&ĐT huyện	0.70		0.70	Đang triển khai
b.4.5	Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam hạng mục sửa chữa tầng 3 trụ sở làm việc	2017	0.73	UBMTTQ huyện	0.66		0.66	Đã hoàn thành
b.4.6	Sửa chữa khu làm việc, khu sinh hoạt, xây mới nhà vệ sinh, nhà tắm, tường rào, hệ thống điện nước của Hội người mù	2017	0.60	Phòng LBTBXH huyện	0.54		0.54	Đã hoàn thành
b.4.7	Cải tạo, sửa chữa phòng làm việc trung tâm hành chính huyện	2017	0.87	Văn phòng HĐND & UBND huyện	0.79		0.79	Đã hoàn thành
b.4.8	Sửa chữa phòng làm việc huyện ủy	2017	1.29	Huyện ủy	1.16		1.16	Đã hoàn thành
b.4.9	Kênh bà xiều	2017	1.17	UBND xã Xuân Sơn	1.05		1.05	Đang triển khai
b.4.10	Kênh Đồng giấy xã Vạn Thắng	2017	1.20		1.08		1.08	Đang triển khai
b.4.11	Kênh mương Đội 1	2017	1.11	UBND xã Vạn Lương	1.00		1.00	Đang triển khai
b.4.12	Kênh tự chảy số 1 (đoạn 1)	2017	1.10	UBND xã Vạn Phú	0.99		0.99	Đang triển khai
b.4.13	Nâng mặt bằng gò trung đồng 1	2017	0.89	UBND xã Vạn Bình	0.80		0.80	Ngân sách huyện hỗ trợ 50% + ngân sách xã 50%
b.4.14	Điện trang trí tết nguyên đán năm 2017	2017	0.55	Phòng VH&TT huyện	0.50		0.50	Ngân sách huyện
b.4.15	Trường THCS Vạn Giã	2018	5.00	UBND Huyện V.Ninh		5.00	5.00	Tổng vốn tỉnh: 3.5; vốn huyện: 1.5
b.4.16	Trường tiểu học Vạn Giã 3 (sửa chữa 10 phòng học thuộc 2 tầng)	2018-2020	4.00	UBND Huyện V.Ninh		4.00	4.00	Vốn huyện
b.4.17	Trường mẫu giáo Vạn Bình (xây mới khu hiệu bộ, 05 phòng học, phòng y tế, nhà bảo vệ, cải tạo mở rộng bếp ăn một chiều, phòng nhân viên, nhà xe, nhà vệ sinh, tường rào, sân bê tông, xây kê và đổ đất nâng mặt bằng)	2018-2019	8.80	Huyện Vạn Ninh		4.00	4.00	Vốn NS Huyện

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHÂN KỶ VỐN THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
b.4.18	Trường TH Vạn Bình - điểm Trung Đông (xây mới khu hành chính, thư viện, nhà xe, tường rào)	2018-2019	2.50	Huyện Vạn Ninh		1.50	1.50	Vốn NS Tỉnh
b.4.19	Sửa chữa nâng cấp Hội trường trụ sở UBND xã Vạn Bình	2018	0.70	UBND xã Vạn Bình		0.70	0.70	Ngân sách tỉnh hỗ trợ
b.4.20	Sửa chữa nhà cộng đồng thôn Trung Đông 3	2018	0.90	UBND xã Vạn Bình		0.90	0.90	Vốn huyện
b.4.21	Trang bị cơ sở vật chất bên trong 5 nhà sinh hoạt cộng đồng thôn (Trung Đông 1, Bình Lạc 1, Bình Lạc 2, Từ Chánh, Bình Trung 2)	2018	0.25	UBND xã Vạn Bình		0.25	0.25	Vốn huyện
b.4.22	Trường mẫu giáo Vạn Bình: Đầu tư bếp ăn 1 chiều, trang thiết bị của văn phòng, phòng nghệ thuật và thiết bị của 05 phòng học	2018	0.63	Phòng GDĐT		0.63	0.63	Vốn tỉnh 0,188 huyện 0,437
b.4.23	Trường tiểu học Vạn Bình (điểm Trung Đông 1): Sửa chữa 12 phòng học cũ và nhà vệ sinh giáo viên	2018	1.20	Phòng GDĐT		1.20	1.20	Vốn tỉnh 0,360 huyện 0,840
b.4.24	Trường tiểu học Vạn Bình (điểm Trung Đông 1): Trang thiết bị thư viện, phòng giáo viên, đóng bàn ghế mới 18 phòng học	2018	1.06	Phòng GDĐT		1.06	1.06	Vốn tỉnh 0,318 huyện 0,742
b.4.25	Trường THCS Trần Phú: Cải tạo, sửa chữa mái ngói 05 phòng học, quét vôi khu hành chính, đầy phòng học và phòng chức năng	2018	1.20	Phòng GDĐT		1.20	1.20	Vốn tỉnh 0,360 huyện 0,840
b.4.26	Sân vận động xã Vạn Thọ (San nền, kê đá và công)	2018	1.02	UBND xã Vạn Thọ		1.02	1.02	Vốn tỉnh ,217 huyện 0,361 xã 0,145
b.4.27	Kiên cố hóa kênh từ sân đất đến Gò Đất	2018	1.12	Phòng Kinh tế huyện		1.12	1.12	Vốn huyện
b.4.28	Kiên cố hóa kênh Cây Bướm	2018	1.15	Phòng Kinh tế huyện		1.15	1.15	Vốn huyện
b.4.29	Kiên cố Hóa kênh Thỏ Hoang	2018	1.10	Phòng Kinh tế huyện		1.10	1.10	Vốn huyện
b.4.30	Xây dựng mới nhà văn hóa Thôn Hải Triều	2018	0.50	UBND xã Vạn Long		0.50	0.50	Vốn huyện 0,400 xã 0,100
b.4.31	San lấp mặt bằng bãi rác Suối Hàng - Vạn Khánh	2018	2.00	Trung tâm phát triển quỹ đất		2.00	2.00	
b.4.32	Cải tạo, sửa chữa Kênh Gò Đò Bà Thu	2018	0.90	UBND xã Vạn Phú		0.90	0.90	
b.4.33	Di dời đường dây hạ áp phục vụ xây dựng nhà máy nước Tu Bông	2018	0.43	Trung tâm phát triển quỹ đất		0.43	0.43	
b.4.34	Nâng mặt bằng điểm dân cư chợ Vạn Khánh	2018	1.20	UBND xã Vạn Khánh		1.20	1.20	
b.4.35	Điện chiếu sáng công cộng xã Vạn Thọ (đoạn tuyến đường đi qua thôn Ninh Mã)	2018	0.88	UBND xã Vạn Thọ		0.88	0.88	
b.4.36	Nhà kho vũ khí ban chỉ huy quân sự huyện	2018	0.95	Ban chỉ huy quân sự huyện		0.95	0.95	
b.4.37	Cải tạo trụ sở làm việc Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	2018	7.50	Ban Văn Phòng		7.50	7.50	
b.4.38	Trường THPT Ng. Thị Minh Khai, huyện Vạn Ninh (giai đoạn 1)	2017-2019	39.99	Sở GD	14.00	3.00		
b.4.39	Kiên cố hóa kênh NIA Nam đập dâng Đốc Đá Trắng	2017-2018	7.50	Sở NN	3.00	3.67		
b.4.40	Hệ thống giếng khoan tập trung xã Vạn Thạnh	2017	2.60	Huyện VN	1.40			
b.4.41	Nhà làm việc Ban CHQS huyện Vạn Ninh	2016-2017	9.69	BCHQST	4.40			
b.4.42	Sân vận động huyện Vạn Ninh (4 ha)	2017-2019	15.00	Huyện Vạn Ninh	5.00	5.00	10.00	Vốn NS Tỉnh chưa thực hiện
b.4.43	Sửa chữa nhà thi đấu, tường rào thư viện huyện	2017	1.00	Huyện Vạn Ninh	0.80		0.80	Vốn NS Huyện - Đã hoàn thành TMDT 0,796
b.4.44	Trường tiểu học Vạn Lương 3	2016-2017	14.00	XHH	7.00		7.00	Tổng vốn tỉnh: 9.8; vốn huyện: 4.2 TMDT 13,53
b.4.45	Trường tiểu học Vạn Bình 2 - Vạn Ninh	2016-2017	14.00	UBND Huyện V.Ninh	7.00		7.00	Tổng vốn tỉnh: 9.8; vốn huyện: 4.2 TMDT 14,97
b.4.46	Trường tiểu học Vạn Phú 3 (xây mới 04 phòng học, phòng thư viện, phòng nghệ thuật, phòng thiết bị, nhà (trúc)	2016-2017	4.00	UBND Huyện V.Ninh	1.50		1.50	Vốn huyện - Đã hoàn thành TMDT 3,014 tỷ
b.4.47	Trường THCS Hoa Lư (cải tạo 07 phòng học, xây mới phòng thư viện, nhà trực, nhà xe giáo viên - học sinh, xây mới tường rào nâng đất và sân bê tông)	2016-2017	4.00	UBND Huyện V.Ninh	1.80		1.80	Vốn huyện - Đã hoàn thành TMDT 4,253 tỷ
b.4.48	Trường mẫu giáo Vạn Giã (khởi hành chính, nhà bếp, nhà bảo vệ, nhà để xe, phòng y tế, nhà vệ sinh, sân đường bê tông, công tường rào)	2016-2017	3.00	UBND Huyện V.Ninh	1.50		1.50	Vốn huyện - Đã hoàn thành TMDT 2,466 tỷ
b.4.49	Trường mẫu giáo Vạn Phú (xây mới khu hiệu bộ, bếp ăn một chiều, phòng y tế, nhà bảo vệ...)	2016-2017	5.00	UBND Huyện V.Ninh	3.10		3.10	Vốn huyện - đã hoàn thành TMDT 5,436 tỷ
b.4.50	Thao trường huấn luyện cho lực lượng vũ trang huyện Vạn Ninh	2017-2018	10.00	Huyện Vạn Ninh	5.00	5.00	10.00	Vốn NS Huyện 5 tỷ. Vốn NS Tỉnh 5 tỷ.
b.4.51	Công trình phòng thủ cấp huyện	2017-2020	4.00	Huyện Vạn Ninh	0.70	1.20	1.90	Vốn NS Huyện
b.4.52	Trụ sở UBND xã Vạn Khánh	2016-2017	10.00	Huyện Vạn Ninh	5.00		5.00	Vốn NS Huyện 5 tỷ. Vốn NS Tỉnh 5 tỷ. Đã hoàn thành TMDT 10,259
b.4.53	Nhà văn hóa 9 xã	2016-2020	18.00	Huyện Vạn Ninh	3.60	3.60	7.20	Vốn NS Huyện

**PHỤ LỤC 1.7: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN
ĐỊNH HƯỚNG CHO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2018 CỦA HUYỆN KHÁNH VINH**

(Đơn vị tiền tệ: tỷ đồng)

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHÂN KỶ VỐN THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
	TỔNG CỘNG		558.51		50.55	61.16	114.18	
A	CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 2016 - 2020		159.20		3.80	28.00	31.80	
A.1	Đồ án Quy hoạch							
A.2	Hạ tầng kỹ thuật		142.80		1.00	23.00	24.00	
a.2.5	Cầu Hoàng Quốc Việt	2016-2019	60.78	UBND Huyện K. Vinh		13.00	13.00	Theo Nghị Quyết 14/NQ-HĐND ngày 06/12/2017
a.2.6	Các trục đường giao thông chính khu đô thị mới thị trấn Khánh Vinh, giai đoạn 1	2017-2020	82.01	UBND Huyện K. Vinh	1.00	10.00	11.00	Theo Nghị Quyết 14/NQ-HĐND ngày 06/12/2017
A.3	Dự án khu đô thị mới, khu tái định cư và nhà ở							
A.4	Hạ tầng xã hội - công trình khác		16.40		2.80	5.00	7.80	
a.4.1	Nhà công vụ Trung tâm y tế huyện Khánh Vinh	2017-2018	12.00	UBND KV	1.50	5.00	6.50	chưa giao mặt bằng
a.4.2	Trạm kiểm soát lâm sản độc AMA MEO	2017	2.90	Chi cục kiểm lâm KH				
a.4.3	Trụ sở làm việc Trạm kiểm lâm Sơn Thái	2017	1.50	Sở NN	1.30		1.30	
B	CÁC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT BỔ SUNG		399.32		46.75	33.16	82.38	
B.1	Đồ án Quy hoạch		104.48		4.48	-	4.48	
b.1.1	Quy hoạch chi tiết 1/500 khu đô thị mới thị trấn Khánh Vinh 185,18ha	2016	4.48	UBND Huyện K. Vinh	4.48		4.48	đã phê duyệt đồ án, thực hiện: 4.07 tỷ đồng
b.1.2	Khu trung tâm hành chính huyện Khánh Vinh	2016-2020	100.00	UBND Huyện K. Vinh			-	
B.2	Hạ tầng kỹ thuật		144.00	-	2.70	9.86	12.56	
b.2.1	Kê bờ hữu sông Cái Nha Trang, thị trấn Khánh Vinh	2017-2019	40.00	Sở NN			-	
b.2.2	Xây dựng cầu Thác Ngựa	2017	60.00	SGTVT			-	
b.2.3	Xây dựng trạm XLNT phía Đông công suất 800 m ³ /ngày	2017-2018	3.00	UBND Huyện Khánh Vinh			-	
b.2.4	Hạ tầng kỹ thuật khu thể thao liên hợp	2016	10.00	UBND Huyện K. Vinh			-	
b.2.5	Nâng cấp mở rộng Hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã trung tâm huyện: Khánh Nam, Khánh Thành, Sông Cầu	2016-2018	25.00	Huyện KV	-	9.86	9.86	đến ngày 30/9 giải ngân dưới 30% KH, nên năm 2017 kg bố trí vốn
b.2.6							-	
b.2.7	Đường dây 22kV và trạm biến áp 15(22)/0,4kV thuộc khu tái định cư Gia Lợi	2017	1.00	Huyện KV	0.70		0.70	
b.2.9	Cầu vào khu sản xuất Gia Lợi xã Sơn Thái, huyện Khánh Vinh	2016-2017	5.00	Huyện KV	2.00		2.00	
B.3	Dự án khu đô thị mới, khu tái định cư và nhà ở		72.01	-	10.27	2.46	21.24	
b.3.1	Xây dựng các nhóm nhà ở mới cận kề khu ở hiện trạng	2017-2019	30.00	UBND Huyện K. Vinh				
b.3.2	Dự án Khu tái định cư Bồ Lang, quy mô 5,85 ha	2013-2015	8.50	UBND Huyện K. Vinh	-	-	8.50	Vốn TW hỗ trợ và tỉnh: 2013, 2014, 2016, Đã quyết toán
b.3.3	Kê bờ tả sông Khê, tt. Khánh Vinh	2016	14.99	UBND huyện K. Vinh				
b.3.4	Khu tái định cư Gia Lợi	2016-2017	18.52	UBND huyện Khánh Vinh	10.27	2.46	12.74	Năm 2016: 5,7 tỷ, đã hoàn thành
B.4	Hạ tầng xã hội - công trình khác		78.84	-	29.30	20.84	44.10	
b.4.1	Hội trường huyện ủy Khánh Vinh	2016-2017	8.40	UBND huyện K. Vinh	4.70	3.70	8.40	Vốn tỉnh hỗ trợ và huyện, đã hoàn thành
b.4.2	Sửa chữa đường 2 tháng 8 (đoạn nút giao Pi Năng Xà A đến ngã 5); Hạng mục: Nền mặt đường	2017	0.90	UBND huyện K. Vinh	0.91		0.91	Vốn sự nghiệp kinh tế phát triển đô thị loại V, đã hoàn thành
b.4.3	Sửa chữa đường 2 tháng 8 (đoạn từ Trường Dân tộc nội trú - Trường Mẫu giáo Sao Mai); Hạng mục: Lát vỉa hè	2017	1.38	UBND huyện K. Vinh	1.38		1.38	
b.4.4	Sửa chữa đường Cao Văn Bé; Hạng mục: Lát vỉa hè	2017	0.83	UBND huyện K. Vinh	0.84		0.84	
b.4.5	Sửa chữa đường Quang Trung (giai đoạn 2)	2017	0.93	UBND huyện K. Vinh	0.94		0.94	
b.4.6	Sửa chữa đường Lê Hồng Phong (đoạn nút giao Pi Năng Xà A đến ngã 5); Hạng mục: Nền mặt đường	2017	0.42	UBND huyện K. Vinh	0.43		0.43	
b.4.7	Nâng cấp, sửa chữa đường Quang Trung (đoạn từ đường Hoàng Quốc Việt đến đường 2/8)	2018	4.67	UBND Huyện K. Vinh		4.67		NS huyện năm 2018 (chuyển nguồn BVMT đối với khai thác khoáng sản các năm + vốn SNKT phát triển đô thị loại V năm 2018: 1.640 triệu đồng)

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIẠN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
b.4.8	Nâng cấp, sửa chữa đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường 2/8)	2018	1.37	UBND Huyện K. Vĩnh		1.37		Vốn sự nghiệp kinh tế phát triển đô thị loại V
b.4.9	Đường vào khu mộ BS Yersin	2018	8.10	Sở Văn hóa và Thể thao		8.10	8.10	
b.4.10	Trường THPT Bắc Khánh Vĩnh (GD 1)	2017-2018	24.83	Sở Giáo dục	8.70	3.00	11.70	
b.4.11	Trụ sở làm việc Trạm kiểm lâm Sơn Thái	2017	1.50	Chi cục kiểm lâm KH	1.30	--	1.30	
b.4.12	HTCN sinh hoạt xã Liên Sang	2016-2017	8.93	Huyện KV	3.60		3.60	
b.4.13	Hội trường Huyện ủy Khánh Vĩnh	2016-2017	8.77	Huyện KV	2.50		2.50	
b.4.14	Nhà ở tái định cư thôn Bó Lang	2016-2017	7.79	Huyện KV	4.00		4.00	

**PHỤ LỤC 1.8: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN
ĐỊNH HƯỚNG CHO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2018 CỦA
HUYỆN KHÁNH SƠN**

(Đơn vị tiền tệ: tỷ đồng)

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHÂN KỶ VỐN THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
	TỔNG		230.92	-	57.20	38.60	67.00	
A	CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 2016 - 2020		38.10	-	10.50	7.00	17.50	
A.1	Đồ án Quy hoạch							
A.2	Hạ tầng kỹ thuật		38.10	-	10.50	7.00	17.50	
a.2.1	Kè bảo vệ thị trấn Tô Hạp	2013-2014	14.5	Sở NN	3.50	-	3.50	
a.2.2	Nâng cấp đường Hai Bà Trưng	2014-2015	2.6	Huyện KS	-	-	-	
a.2.4	Đường D9	2017-2019	21	Huyện KS	7.00	7.00	14.00	
A.3	Dự án khu đô thị mới, khu tái định cư và nhà ở							
A.4	Hạ tầng xã hội							
B	CÁC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT BỔ SUNG		192.82	-	46.70	31.60	49.50	
B.1	Đồ án Quy hoạch		10.00	-	5.00	3.00	8.00	
b.1.1	QHPK (tỷ lệ 1/2000) khu trung tâm thị trấn Tô Hạp	2016-2017	4.00	Huyện KS	2.00		2.00	
b.1.2	QHCT (tỷ lệ 1/500) khu trung tâm thị trấn Tô Hạp	2017-2018	3.00	Huyện KS	2.00	1.00	3.00	
b.1.3	Cắm mốc các tuyến đường chính và quản lý xây dựng theo quy hoạch	2017-2018	3.00	Huyện KS	1.00	2.00	3.00	
B.2	Hạ tầng kỹ thuật		83.45	-	24.30	12.00	36.30	
b.2.1	Dự án đường QH2 (đường Ngô Quyền đi UBND xã Sơn Trung 2,9km) đoạn còn lại 1,5km	2020	11.00	Huyện KS	3.50		3.50	
b.2.2	Đường Đinh Tiên Hoàng	2017-2019	22.45	Huyện KS	7.00	7.00	14.00	
b.2.3	Nâng cấp nhà máy sản xuất và hệ thống phân phối nước đô thị 1000m3/ngày đêm lên 2000m3/ngày đêm	2017-2018	15.00	Huyện KS	10.00	5.00	15.00	
b.2.4	Nâng cấp cải tạo hành lang, vỉa hè các tuyến đường nội thị	2019-2020	20.00	Huyện KS	3.80		3.80	
b.2.5	Chỉnh trang đô thị	2019-2020	15.00	Huyện KS			-	
B.3	Dự án khu đô thị mới, khu tái định cư và nhà ở							
B.4	Hạ tầng xã hội - công trình khác		99.37	-	17.40	16.60	5.20	
b.4.1	Xây dựng chợ huyện: nâng cấp quy mô 6.000 ²	2019	15.00	Huyện KS		4.50	4.50	
b.4.2	Trường THCS thị trấn Tô Hạp – Khánh Sơn	2019-2020	10.00	Huyện KS			-	
b.4.3	Đầu tư xây dựng sân TDTT và công viên, quy mô 2.5ha	2019-2020	15.00	Huyện KS		0.20	0.20	
b.4.4	Nhà thiếu nhi huyện Khánh Sơn	2019-2020	10.00	Huyện KS		0.50	0.50	
b.4.5	Nâng cấp trụ sở làm việc UBND huyện	2020	15.00	Huyện KS			-	
b.4.6	Trạm thực nghiệm khoa học và công nghệ huyện Khánh Sơn	2017-2018	11.99	Sở KHCN	9.00	5.00		
b.4.7	Trụ sở UBND xã Thành Sơn	2017-2018	9.39	Huyện KS	3.00	4.70		
b.4.8	HTCN xã Ba Cạm Bắc	2016-2017	7.00	Huyện KS	3.40			
b.4.9	Sửa chữa HTCN sinh hoạt xã Sơn Hiệp	2017-2018	6.00	Huyện KS	2.00	1.70		

**PHỤ LỤC 1.9: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG KHUNG ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
ĐỊNH HƯỚNG CHO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2018**

(Đơn vị tiền tệ: tỷ đồng)

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHÂN KỶ VỐN THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
	TỔNG CỘNG		11.195,67	-	1.578,20	586,00	2.164,20	
A	CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 2016 - 2020		3.537,92	-	587,80	399,00	986,80	
a.1	Đồ án Quy hoạch							
a.2	Hạ tầng kỹ thuật		3.492,42		587,80	394,00	981,80	
a.2.1	Nâng cấp mở rộng đường Tỉnh lộ 3		2,72	BQLDA ĐTXD CÁC CT NÔNG NGHIỆP & PTNT			-	
a.2.2	Phương án tổng thể BHTT và TĐC dự án đường nối Nha Trang - Diên Khánh (giai đoạn I)	2015-2018	20,00	BQLDA ĐTXD CÁC CT NÔNG NGHIỆP & PTNT	17,80		17,80	
a.2.3	Đường cát hạ cánh số 2 - Sân bay Quốc tế Cam Ranh	2015-2019	1.935,96	Ban QLDA các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa	500,00	350,00	850,00	Theo Nghị Quyết 14/NQ-HĐND ngày 06/12/2017
a.2.4	Đường Tỉnh lộ 2 (ĐT.635), đoạn từ Cầu Hà Dừa đến Cầu Đồi	2019-2022	374,32	Sở GTVT			-	
a.2.5	Đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang	2018-2022	759,41	Ban QLDA Phát triển tỉnh Khánh Hòa	-	44,00	44,00	Theo Nghị Quyết 14/NQ-HĐND ngày 06/12/2017
a.2.6	Sửa chữa giao thông (đường tỉnh quản lý)	2016-2020	400,00	Sở GTVT	70,00		70,00	
a.3	Dự án khu đô thị mới, khu tái định cư và nhà ở							
a.4	Hạ tầng xã hội		45,50		-	5,00	5,00	
a.4.1	Các đội y tế dự phòng huyện; đội chăm sóc sức khỏe huyện	2018-2020	45,50	Sở Y tế		5,00	5,00	
B	CÁC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT BỔ SUNG		7.657,76		990,40	187,00	1.177,40	
B.1	Đồ án Quy hoạch							
B.2	Hạ tầng kỹ thuật		6.797,32		815,30	167,50	982,80	
b.2.1	Hồ chứa nước Suối Dầu 2	2017-2020	150,00	Sở NN&PTNT	37,50	37,50	75,00	
b.2.2	Nhà máy nước Suối Dầu,	2017-2020	281,00	Sở NN&PTNT	281,00		281,00	
b.2.3	Cải tạo mở rộng trạm 220KV Nha Trang	2020	120,00	Tổng Cty Điện lực Miền Trung			-	
b.2.4	Cải tạo tuyến 220KV Nha Trang - Tuy Hòa	2020	334,62	Tổng Cty Điện lực Miền Trung			-	
b.2.5	Cải tạo tuyến 220KV Nha Trang - KrongBuk	2020	382,72	Tổng Cty Điện lực Miền Trung			-	
b.2.6	Xây dựng trạm 220KV Cam Ranh	2020	180,00	Tổng Cty Điện lực Miền Trung			-	
b.2.7	Xây dựng nhánh rẽ 220KV vào trạm Cam Ranh	2020	16,80	Tổng Cty Điện lực Miền Trung			-	
b.2.8	Xây dựng mới tuyến 220KV Cam Ranh - Tháp Chàm	2018-2020	140,00	Tổng Cty Điện lực Miền Trung		35,00	35,00	
b.2.9	Xây dựng trạm 500KV Vân Phong	2020	540,00	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)				
b.2.10	Xây dựng đường điện 500KV TT điện lực Vân Phong - Vĩnh Tân	2020	880,00	Tổng Cty Điện lực Miền Trung				
b.2.11	Xây dựng trạm 220KV Vân Phong	2020	160,00	Tổng Cty Điện lực Miền Trung				
b.2.12	Xây dựng nhánh rẽ 220KV vào trạm Vân Phong	2020	16,80					
b.2.13	Xây dựng nhà máy nước Sơn Thành	2020	30,00					
b.2.14	Xây dựng nghĩa trang liên huyện tại thôn Khánh Thành Bắc, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm và thôn Hội Xương, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh	2016-2020	200,00		60,00	70,00	130,00	
b.2.15	Nhà máy xử lý và tái chế rác thải sinh hoạt cho huyện Vạn Ninh và Ninh Hòa tại Đồng Bà Trọ, xã Vạn Hưng (150 tấn/ngày đêm - 50 tỷ)	2016	48,00	Kêu gọi ĐT			-	
b.2.16	Nghĩa trang phía Nam huyện Vạn Ninh tại núi Phố Đà, xã Vạn Lương (20 ha - 30 tỷ)	2016	30,00	Kêu gọi ĐT			-	
b.2.17	Đường Vạn Giã- Tuần Lễ (Nguyễn Huệ) - 20 km	2016	588,00	BVP			-	
b.2.18	Nhà máy nước Tu Bông	2017	28,00	Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Vạn Ninh	28,00		28,00	Đã hoàn thành
b.2.19	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn đặt ở chân núi Hoa Sơn quy mô 30ha	2017-2019	30,00	UBND huyện V.Ninh			-	
b.2.20	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung của huyện Cam Lâm quy mô 50 ha	2018-2020	46,00	UBND Huyện C.Lâm			-	
b.2.21	Phương án tổng thể BHTT và TĐC dự án đường nối Nha Trang - Diên Khánh (giai đoạn I)	2014-2016	220,00	BQL GTTL	17,80		17,80	đã tạm ứng NS tỉnh
b.2.22	Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững	2013-2017	300,00	Sở NN	33,00	3,00	36,00	đã tạm ứng NS tỉnh
b.2.23	Các dự án phát triển rừng	2016-2020	82,00	Sở NN	12,00	12,00	24,00	
b.2.24	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Khánh Hòa (WB8)	2017-2022	224,69	Sở NN	2,00	2,00	4,00	đã ký Hiệp định vay ngày 7/7/2016
b.2.25	Sửa chữa giao thông (đường tỉnh quản lý)	2017	70,00	Sở GTVT	70,00		70,00	thường xuyên
b.2.26	Đường Nha Trang đi Đà Lạt, đoạn Nha Trang - Diên Khánh (Cao Bá Quát - Cầu Lũng)	2014-2018	1.418,11	BQL GTTL	250,00		250,00	
b.2.27	Rà phá bom mìn, vật nổ còn lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	2016-2020	31,48	BCHQST	4,00		4,00	

STT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHẦN KỶ VỐN THEO NĂM			GHI CHÚ
					2017	2018	TỔNG	
b.2.28	Hệ thống đường phục vụ sản xuất lâm sinh, phát triển và bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng huyện Khánh Sơn, Vạn Ninh	2016-2019	129.10	Sở NN	20.00	8.00	28.00	
b.2.19	Thoát lũ sông Tân Lâm (gđ 2)	2016-2020	120.00	UBND NH	5.00			
B.3	Hạ tầng xã hội		860.44		175.10	19.50	194.60	
b.3.1	Xây dựng và cải tạo, nâng cấp 25 trạm y tế xã, phường	2014-2018	85.02	Sở Y tế	8.10	7.00	15.10	
b.3.2	Các đội Y tế dự phòng và Chăm sóc sức Khỏe sinh sản	2018-2020	50.00	Sở Y tế				
b.3.3	Đề án phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi	2012 - 2017	484.80	cấp huyện	122.00		122.00	
b.3.4	Sửa chữa giáo dục (công trình cấp tỉnh quản lý)	2016-2020	8.00	Sở GD	8.00		8.00	thường xuyên
b.3.5	Nhà trực và làm việc của BCH Quân sự xã, phường, thị trấn (gđ 1)	2016-2018	11.62	BCHQST		7.50	7.50	đến ngày 30/9 giải ngân dưới 30% KH, nên năm 2017 không bố trí vốn
b.3.6	Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý vào quản lý cơ sở hạ tầng - kinh tế xã hội tỉnh Khánh Hòa	2015-2019	82.16	Sở TTTT	5.00		5.00	không bố trí vốn năm 2018 do giải ngân dưới 30% KH vốn 2017
b.3.7	Mở rộng hệ thống thông tin chỉ huy Công an tỉnh Khánh Hòa	2017-2018	29.91	CA tỉnh	9.00	5.00	14.00	
b.3.8	Xây dựng và cải tạo, nâng cấp 25 trạm y tế xã, phường	2014-2018	85.02	Sở Y tế	12.00		12.00	
b.3.9	Xây dựng Trạm y tế Ninh Thủy và 04 phân trạm y tế	2017-2018	15.92	Sở Y tế	3.00		3.00	
b.3.10	Sửa chữa y tế	2017	8.00	Sở Y tế	8.00		8.00	thường xuyên
B.4	Dự án khu đô thị mới, khu tái định cư và nhà ở							